

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Dự án điện mặt trời Hải Quy, huyện Hải Lăng	50		2031-2035	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối từ Nhà máy điện mặt trời Hải Quy đến thanh cái 110kV của TBA 110kV Diên Sanh hiện có	
6	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Kinh Môn 1	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220KV từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời nổi và pin lưu trữ Kinh Môn - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
7	Dự án điện mặt trời Hải Dương, huyện Hải Lăng	65		2031-2035	Đấu nối cấp điện áp 110kV về thanh cái TBA 110kV Mỹ Thủy bằng ĐZ 110kV mạch đơn	
8	Dự án điện mặt trời nổi Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị 2	40		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ NM ĐMT nổi Quảng Trị đến TBA 220kV Lao Bảo	
9	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Kinh Môn 2	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220KV từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời nổi và pin lưu trữ Kinh Môn - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
10	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi hồ Trúc Kinh 3	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng áp nhà máy ĐMT nổi hồ Trúc Kinh - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
11	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi Bảo Đài	96		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV 2 mạch phân pha từ TBA 220kV Bảo Đài đến ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
12	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi La Ngà	70		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV La Ngà đến ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
13	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Đập Trầm	140		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 110kV của TBA Diên Sanh	
	Tỉnh Sóc Trăng		50			
1	ĐMT Phân trường Thạnh Trị	50	2025-2030		ĐZ 110 kV mạch đơn đấu về thanh cái TBA 110kV Thạnh Trị. Mở rộng thanh cái TBA 110kV Thạnh Trị.	
	Tỉnh Sơn La		3315	1050		
1	Bắc Yên 1	55	2025-2030		- Xây dựng trạm 220 kV ĐMT Bắc Yên 1, công suất 200 MVA để truyền tải công suất của các nhà máy ĐMT Bắc Yên 1 (55 MW), NM ĐMT Bắc Yên 2 (50 MW), NM ĐMT Bắc Yên 3 (50 MW). - Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220 kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ.	
2	Bắc Yên 2	50	2025-2030		- Xây dựng trạm biến áp 22 kV Bắc Yên 2. XD ĐZ 22 kV 4 mạch từ nhà máy ĐMT Bắc Yên 2 về trạm 220 kV Bắc Yên 1	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Bắc Yên 3	50	2025-2030		- Xây dựng trạm biến áp 22 KV Bắc Yên 3. XD ĐZ 22 kV 4 mạch từ nhà máy ĐMT Bắc Yên 3 về trạm 220 kV Bắc Yên 1	
4	Mai Sơn 1	50	2025-2030		Xây dựng TBA 220 kV công suất 150 MVA tại khu vực bản Tân Thảo, xã Cò Nòi để truyền tải công suất của Mai Sơn 2 50 MW và Mai Sơn 3 công suất 60 MW; Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Sơn La - Việt Trì	
5	Mai Sơn 2	60	2025-2030		Xây dựng ĐZ 35kV 4 mạch đầu nối về phía 35kV trạm 220kV Mai Sơn 2	
6	Mường La 1	40	2025-2030		TBA và ĐZ 220kV mạch kép đầu nối ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	
7	Mường La 2	50	2025-2030		Đường dây 220kV đầu nối TBA 220kV Mường La 1	
8	ĐMT nối lòng hồ thủy điện Sơn La	800	2025-2030		Xây dựng TBA nâng áp và ĐZ 500kV đầu nối TBA 500kV Sơn La	
9	Sông Mã 1	50	2025-2030		Đầu nối cấp điện áp 110 kV vào trạm 220kV Sông Mã	
10	Sông Mã 2	50	2025-2030		Đầu nối cấp điện áp 110 kV vào trạm 220kV Sông Mã	
11	Sông Mã 3	60	2025-2030		- Xây dựng trạm 110 kV Điện Mặt trời Sông Mã 3 công suất 100MVA - Xây dựng ĐZ 110 kV mạch đơn đầu vào TBA 110 kV thủy điện Mường Lầm	
12	Tổ hợp sản xuất điện sạch tích năng Chim Vàn - Cụm nhà máy ĐMT và Pin tích năng Phiêng Păn	1000	2025-2030		Xây dựng ĐZ và TBA 500kV ĐMT Phiêng Păn đầu nối TBA 500kV Mai Sơn 8	
13	Mai Sơn 4	75	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110 kV đầu nối về trạm 500 kV Mai Sơn	
14	Mai Sơn 5	210	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ Trạm 110kV Mai Sơn 5 đầu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
15	Mai Sơn 6	75	2025-2030		Đầu nối về phía 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
16	Mai Sơn 7	270	2025-2030		Xây dựng trạm 500 kV Mai Sơn 7 công suất 2700 MMA; Xây dựng ĐZ 500 kV từ TBA 500kV Mai Sơn - Việt Trì	
17	Mai Sơn 8	85	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm 110kV Mai Sơn 8 đầu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
18	Mai Sơn 9	70	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Trạm 110kV Mai Sơn 9 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
19	Yên Châu 4	135	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Trạm 110kV Yên Châu 4 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
20	Yên Châu 5	80	2025-2030		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm 110kV Yên Châu 5 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
21	Dự án ĐMT nối Sơn La 1.1 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV ĐMT nối Sơn La 1.1 - rẽ Sơn La - Điện Biên	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
22	Dự án ĐMT nối Sơn La 1.2 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nối Sơn La 1.2 - ĐMT nối Sơn La 1.1	
23	Dự án ĐMT nối Sơn La 2 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV 4 mạch ĐMT nối Sơn La 2 - rẽ Huội Quảng - Sơn La	
	Tỉnh Tây Ninh		450	314		
1	Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 5	450	2025-2030		Xây dựng mới TBA 220kV Dầu Tiếng 5 và ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Dầu Tiếng 5 đấu nối TBA 220kV Tây Ninh.	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Tân Châu - Tuấn Dung giai đoạn 1	314		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Bình Long - Tây Ninh	
	Tỉnh Thái Nguyên		220			
1	Nhà máy điện mặt trời nổi Hồ Núi Cốc	220	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái trạm 110kV Hồ Núi Cốc	
	Tỉnh Thanh Hóa		333	52		
1	Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thanh Hóa I	128	2025-2030		ĐZ 110kV bốn mạch từ trạm nâng áp 22/110kV ĐMT Thanh Hóa 1 đấu chuyển tiếp trên 02 mạch ĐZ 110kV từ 220kV Nghi Sơn - 220kV Thanh Hóa	
2	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Lặc	45	2025-2030		ĐZ 110kV ĐMT Ngọc Lặc - Ngọc Lặc	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
3	Điện mặt trời Long Sơn - Thanh Hóa	80	2025-2030		Đường dây 110kV mạch kép, từ trạm nâng áp 22/110 kV ĐMT Long Sơn đấu nối về thanh cái TBA 110kV XM Long Sơn 2	
4	Điện mặt trời hồ Yên Mỹ 1	80	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMĐMT hồ Yên Mỹ chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nông Cống - Nghi Sơn	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Điện mặt trời hồ Yên Mỹ 2	52		2031-2035	Đấu nối vào đường dây 110kV/220kV hiện trạng	
	Tỉnh Trà Vinh		50			
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời Trà Vinh - Giai đoạn 2	50	2025-2030		- Lắp đặt thêm MBA 1x63MVA đấu nối vào TBA 220 kV nhà máy điện mặt trời Trung Nam - Trà Vinh hiện hữu. - Nâng cấp tuyến ĐZ 220KV NMĐMT Trung Nam Trà Vinh - Đấu nối TBA 500kV Duyên Hải hiện hữu	
	Tỉnh Tuyên Quang		198	200		
1	Các dự án điện mặt trời nổi lưới	198	2025-2030		Đấu nối vào lưới phân phối 110kV, trung áp, hạ áp tại địa phương	
2	Dự án ĐMT nổi Tuyên Quang 1 (trên hồ TĐ Tuyên Quang)	80		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Tuyên Quang 1 - ĐMT nổi Tuyên Quang 2	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
3	Dự án ĐMT nổi Tuyên Quang 2 (trên hồ TĐ Tuyên Quang)	120		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV ĐMT nổi Tuyên Quang 2 - rẽ TĐ Tuyên Quang - Bắc Kạn; ĐZ 220 kV ĐMT nổi Tuyên Quang 2 - rẽ TĐ Tuyên Quang - Yên Sơn	
	Tỉnh Vĩnh Long	50				
1	Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Long 1	50	2026-2035		Đường dây 110kV mạch kép NMĐMT Vĩnh Thành đấu nối vào ĐZ 110kV Bình Minh - Cầu Kè	
	Tỉnh Yên Bái	1630				
1	ĐMT Yên Bình	500	2025-2030		- Đối với Cụm Cẩm Ân: XDM TBA tăng áp 22/220kV công suất 3x63MVA. XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐ MT Yên Bình chuyển tiếp 1 mạch ĐZ 220kV Bảo Thắng - Yên Bái; - Đối với cụm Phúc An: XDM TBA 22/220kV công suất 7x63MVA, XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐ MT Yên Bình chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	
2	ĐMT nổi Hồ Thác Bà	500	2025-2030		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về thanh cái 220kV trạm 220kV Yên Bái.	
3	ĐMT Mỹ Gia 2	580	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng 220kV nhà máy ĐMT nổi hồ Thác Bà đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	
4	ĐMT Tân Lĩnh	50	2025-2030		Xây dựng TBA tăng áp 22/110kV công suất 1x63MVA; Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Nhà máy điện mặt trời Tân Lĩnh đấu nối vào ngăn lộ 110kV TBA 220kV Lục Yên	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	TP Cần Thơ	50				
1	ĐMT tập trung	50	2025-2030		Đấu nối vào lưới điện phân phối trung, hạ áp	
	Tỉnh Lào Cai	100				
1	ĐMT tập trung khác	100	2025-2030		Phương án đấu nối dự kiến được đề xuất trong kỳ tiếp theo	
	Tỉnh Hà Nam	50				
1	ĐMT tập trung tỉnh Hà Nam	50	2025-2030		Đấu nối bằng cấp điện áp 35 kV	

Bảng 15: Danh mục các dự án điện sinh khối có công suất từ 50 MW trở lên và dự án có công suất nhỏ hơn 50 MW đấu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Yên Bái	158		
1	Nhà máy điện sinh khối Yên Bái 1	50	2026-2030	QĐ 262/QĐ-TTg. ĐZ 110kV mạch đơn đấu về TBA 110 kV Văn Yên
2	Nhà máy điện sinh khối Trường Minh	58	2026-2030	QĐ 262/QĐ-TTg. XDM ĐZ 220 kV Trường Minh - Yên Bái
3	Điện sinh khối Lục Yên	50	32 MW GĐ 2025-2030; 18 MW GĐ 2031-2035	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Lục Yên - Bảo Thắng
	Tỉnh Bắc Kạn	50		
1	NMĐ sinh khối Bắc Kạn 1	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg (35 MW), điều chỉnh công suất. ĐZ 110 kV mạch kép ĐSK Bắc Kạn 1 - rẽ Bắc Kạn - Phú Lương
	Tỉnh Lào Cai	50		
1	ĐSK Bảo Thắng	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg (30 MW), điều chỉnh công suất. XDM ĐZ 110 kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV TBA Gang thép Lào Cai - TBA 220 kV Bảo Thắng
	Tỉnh Tuyên Quang	100		
1	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang	50	2023-2030	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang (GĐ 2)	50	32 MW GĐ 2025-2030, 18 MW GĐ 2031-2035	ĐZ 110 kV mạch kép Hàm Yên - Xi măng Tân Quang
	Tỉnh Phú Thọ	50		
1	Nhà máy điện sinh khối Phú Thọ	50	20 MW GĐ 2025-2030, 30 MW GĐ 2031-2035	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Phố Vàng - Tân Sơn
	Tỉnh An Giang	104		
1	Nhà máy điện sinh khối An Giang 1	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg. XDM ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối vào TBA 110 kV Tri Tôn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
2	Nhà máy điện sinh khối An Giang 2 giai đoạn 2	54	2031-2035	ĐZ 110 kV NMD sinh khối An Giang 2 - Cái Dầu
	Tỉnh Điện Biên	55		
1	NMD sinh khối Mường Nhé (Nậm Kè - 30 MW và Chung Chải - 25 MW)	55	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép NMD sinh khối MSS Chung Chải - TBA 220 kV Nậm Pồ
	Tỉnh Hoà Bình	100		
1	NMD sinh khối Hoà Bình	100	75 MW GĐ 2025-2030; 25 MW GĐ 2031-2035	QĐ 1682/QĐ-TTg (30 MW), điều chỉnh công suất lên 75 MW GĐ 2025-2030, XDM ĐZ 110 kV mạch kép ĐSK Hoà Bình - Xuân Thiện
	Tỉnh Phú Yên	50		
1	Dự án điện sinh khối Thuận Phát	50	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu nối vào ĐZ 110 kV Sông Hình - Tuy Hòa
	Tỉnh Quảng Bình	172		
1	NMD sinh khối Quảng Bình	50	2025-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg (10 MW), điều chỉnh tăng thêm 40 MW. ĐZ 110 kV mạch đơn đấu vào TBA 110 kV Tây Bắc Quán Hâu
2	NMD sinh khối PIR-1 Quảng Bình	50	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Áng Sơn - Vĩnh Linh
3	NMD sinh khối An Việt Phát Quảng Bình giai đoạn 1	58	2025-2030	Đấu nối ngăn lộ TBA 220 kV thị xã Ba Đồn
4	NMD sinh khối An Việt Phát Quảng Bình giai đoạn 2	14	2031-2035	Đấu nối ngăn lộ TBA 220 kV thị xã Ba Đồn
	Tỉnh Quảng Nam	100		
1	Dự án Điện Sinh khối Tiên Phước	50	2031-2035	ĐZ 110 kV đấu nối vào lưới điện khu vực
2	Dự án Điện Sinh khối Quảng Nam	50	2031-2035	ĐZ 110 kV đấu nối vào lưới điện khu vực
	Tỉnh Quảng Ngãi	50		
1	Điện sinh khối Tư Nghĩa	50	7 MW GĐ 2025-2030; 43 MW GĐ 2031-2035	Đấu nối bằng ĐZ 110 kV về TBA 110 kV Quảng Phú
	Tỉnh Thanh Hóa	110		
1	Điện sinh khối Thanh Hóa 1	50	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Ngọc Lặc - Thiệu Yên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
2	Điện sinh khối Thanh Hóa 2	60	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên mạch 2 ĐZ 110 kV Thiệu Yên - Bá Thước
	Tỉnh Bình Định	50		
1	NMĐ sinh khối Bình Định	50	2025-2030	ĐZ 110 kV NMĐ sinh khối Bình Định - Phù Cát
	Tỉnh Đắk Lắk	120		
1	NMĐ sinh khối Đắk Lắk	120	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn từ NMĐ sinh khối Đắk Lắk - Krông Ana, TBA nâng phù hợp công suất NMĐ
	Tỉnh Gia Lai	106		
1	Nâng công suất NMĐ sinh khối An Khê (mở rộng)	40	2025-2030	Công suất hiện hữu là 95 MW, mở rộng thêm 40 MW. ĐZ 220 kV đầu nối vào TBA 220 kV NMĐ sinh khối An Khê hiện hữu. Thay MBA 63 MVA bằng MBA 115 MVA.
2	Cụm NMĐ sinh khối xã Gào (3 nhà máy)	66	2031-2035	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Diên Hồng - Chư Sê
	TP Cần Thơ	150		
1	NMĐ sinh khối Cần Thơ	150	2025-2035	ĐZ 110 kV Long Xuyên 2 - Vĩnh Thạnh
	Tỉnh Long An	75		
1	NMĐ sinh khối Long An	75	33 MW GĐ 2025-2030; 42 MW GĐ 2031-2035	QĐ 1682/QĐ-TTg (13 MW). Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV NMĐMT GAIA - Long An 2
	Tỉnh Bình Phước	50		
1	NMĐ sinh khối Bình Phước	50	2025-2030	Đầu nối vào TBA 110 kV Bình Long
	Tổng công suất	1.700		

Bảng 16: Danh mục các dự án điện sản xuất từ rác có công suất từ 50 MW trở lên và dự án có công suất nhỏ hơn 50 MW đầu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
	TP. Hà Nội	150		
1	Dự án Nhà máy điện rác Sóc Sơn	90	2024-2025	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Dự án cải tạo môi trường và đốt rác phát điện Hà Nội	60	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép đầu nối từ TBA 110 kV của Dự án về TC 110 kV TBA 220 kV Sóc Sơn
	TP. Hồ Chí Minh	260		
1	Dự án nhà máy đốt rác phát điện Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam (VWS)	60	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Trạm 220 kV Bình Chánh - Trạm 110 kV DEPOT Đa Phước
2	Nhà máy đốt rác phát điện Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Sinh Nghĩa giai đoạn 1 (điều chỉnh công suất từ 40 MW lên thành 60 MW)	60	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa đầu vào thanh trụ T38E thuộc dự án Nhánh rẽ đường dây 110 kV đầu nối TBA 110 kV Phước Hiệp
3	Nhà máy đốt rác phát điện Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Sinh Nghĩa giai đoạn 2	140	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa đầu vào thanh trụ T38E thuộc dự án Nhánh rẽ đường dây 110 kV đầu nối TBA 110 kV Phước Hiệp
	Tổng công suất	410		

Bảng 17: Danh mục các dự án điện gió ngoài khơi đến năm 2030

TT	Khu vực phát triển ĐGNK	Công suất dự kiến (MW)	Tổ hợp dự kiến	
			Tên dự án	Công suất (MW)
1	ĐGNK Bắc Bộ 1	1500	ĐGNK Bắc Bộ 1.1	500
			ĐGNK Bắc Bộ 1.2	500
			ĐGNK Bắc Bộ 1.3	500
2	ĐGNK Bắc Bộ 2	500	ĐGNK Bắc Bộ 2	500
3	ĐGNK Bắc Bộ 3	500	ĐGNK Bắc Bộ 3	500
4	ĐGNK Nam Trung Bộ 1	1500	ĐGNK Nam Trung Bộ 1.1	500
			ĐGNK Nam Trung Bộ 1.2	500
			ĐGNK Nam Trung Bộ 1.3	500
5	ĐGNK Nam Trung Bộ 2	500	ĐGNK Nam Trung Bộ 2	500
6	ĐGNK Nam Bộ 1	500	ĐGNK Nam Bộ 1	500
7	ĐGNK Nam Bộ 2	500	ĐGNK Nam Bộ 2	500
8	ĐGNK Nam Bộ 3 (*)	500	ĐGNK Nam Bộ 3	500

Ghi chú:

- Các dự án cần có giải pháp để bảo đảm tiến độ vận hành theo quy hoạch được duyệt. Việc xác định tọa độ vị trí các dự án ĐGNK tuân thủ các quy định của pháp luật và được xác định ở giai đoạn chuẩn bị dự án, bảo đảm không chồng lấn với các quy hoạch khác.

(*) Dự án điều chuyển từ khu vực Trung Trung Bộ sang Nam Bộ.

Bảng 18: Danh mục các dự án điện gió ngoài khơi đến năm 2035 (MW)

TT	Khu vực phát triển ĐGNK	Công suất dự kiến (MW)	Tổ hợp dự kiến		Dự kiến Điểm gom công suất	Giai đoạn vận hành
			Tên dự án thành phần	Công suất (MW)		
I	Bắc Bộ	11200				
1	Bắc Bộ 1	2200	Bắc Bộ 1.1 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.2 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.3 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.4	700	Trạm BB 1	2031-2035
2	Bắc Bộ 2	1000	Bắc Bộ 2.1 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 2.2	500	Trạm BB 1	2031-2035
3	Bắc Bộ 3	1000	Bắc Bộ 3.1 (*)	500	Trạm BB 3	2025-2030
			Bắc Bộ 3.2	500	Trạm BB 3	2031-2035
4	Bắc Bộ 4	1000	Bắc Bộ 4	1000	Trạm BB 2	2031-2035
5	Bắc Bộ 5	1000	Bắc Bộ 5	1000	Trạm BB 2	2031-2035
6	Bắc Bộ 6	1000	Bắc Bộ 6	1000	Trạm BB 2	2031-2035
7	Bắc Bộ 7	1000	Bắc Bộ 7	1000	Trạm BB 2	2031-2035
8	Bắc Bộ 8	1000	Bắc Bộ 8	1000	Trạm BB 3	2031-2035
9	Bắc Bộ 9	1000	Bắc Bộ 9	1000	Trạm BB 4	2031-2035
10	Bắc Bộ 10	1000	Bắc Bộ 10	1000	Trạm BB 4	2031-2035
II	Nam Trung Bộ	4300				
1	Nam Trung Bộ 1	2000	Nam Trung Bộ 1.1 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.2 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.3 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.4	500	Trạm NTB1	2031-2035
2	Nam Trung Bộ 2	1000	Nam Trung Bộ 2.1 (*)	500	Trạm NTB2	2025-2030
			Nam Trung Bộ 2.2	500	Trạm NTB2	2031-2035
3	Nam Trung Bộ 3	1300	Nam Trung Bộ 3	1300	Trạm NTB3	2031-2035
III	Nam Bộ	1500				
1	Nam Bộ 1	500	Nam Bộ 1 (*)	500	Trạm NB1	2025-2030
2	Nam Bộ 2	500	Nam Bộ 2 (*)	500	Trạm NB2	2025-2030
3	Nam Bộ 3	500	Nam Bộ 3 (*)	500	Trạm NB3	2025-2030
	Tổng	17000				

Ghi chú:

- Việc xác định tọa độ vị trí các dự án ĐGNK tuân thủ các quy định của pháp luật và được xác định ở giai đoạn chuẩn bị dự án, bảo đảm không chồng lấn với các quy hoạch khác.

(*) Các dự án đã xác định giai đoạn đến năm 2030 tại Bảng 18.

Bảng 19: Danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Tỉnh/Thành phố	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình	300	Ninh Bình	2025 - 2030	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình 2	1200	Ninh Bình	2025 - 2030	
3	Nhà máy điện linh hoạt Hải Dương	1200	Hải Dương	2025 - 2035	
4	Nhiệt điện linh hoạt tăng thêm (*)	Khoảng 6.530		2025 - 2035	

Ghi chú:

(*) Danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt tăng thêm sẽ được làm rõ theo quy định của pháp luật.

- Nhiên liệu sử dụng cho các dự án nhiệt điện linh hoạt sẽ chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Bảng 20: Các dự án tiềm năng xuất khẩu điện

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Loại nguồn	Ghi chú
1	Các dự án xuất khẩu ĐGNK	8.000-10.000	Điện gió ngoài khơi	Trên cơ sở đề xuất của Singapore, Malaysia và các nước khác
2	Khu vực điện gió ngoài khơi TGS Duyên Hải	2.000	Điện gió ngoài khơi	Tỉnh Trà Vinh đề xuất
3	Xuất khẩu điện tỉnh Cà Mau	2.000-5.000	Các nguồn từ NLTT	Tỉnh Cà Mau
4	Dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu 5	10.000	Điện gió ngoài khơi xuất khẩu	Tỉnh Bạc Liêu đề xuất

Ghi chú:

Các dự án xuất khẩu điện được phép phát triển trên cơ sở đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh quốc phòng và các điều kiện kinh tế, kỹ thuật.

Phụ lục III.2
DANH MỤC LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG MỚI
ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2035

Bảng 1: Danh mục các công trình UHVDC giai đoạn 2031-2035

TT	Tên công trình	Quy mô (km/MW)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2026-2030		
1	Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To-Back) 500kV Lào Cai	3000 MW	Phục vụ liên kết nhập khẩu điện từ Trung Quốc, triển khai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Lào Cai, nếu XD trạm chuyển đổi Back-to-Back trên lãnh thổ Việt Nam.
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Trung Trung Bộ 1 - Bắc Bộ 1	2x700km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Vũng Áng, Quảng Bình, Quảng Trị. Xem xét phương án tận dụng hướng tuyến đường dây 500kV Quảng Trị - Vũng Áng - Nho Quan cũ.
2	Trạm converter Trung Trung Bộ 1	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực Quảng Bình, Quảng Trị
3	Trạm converter Bắc Bộ 1	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Giang
4	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Trung Trung Bộ 2 - Bắc Bộ 2	2x1050km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
5	Trạm converter Trung Trung Bộ 2	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực Quảng Ngãi
6	Trạm converter Bắc Bộ 2	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực các huyện phía Tây Hà Nội.
7	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Nam Trung Bộ - Bắc Bộ 3	2x1550km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Dự phòng trường hợp phát triển cao hơn của nguồn điện Nam Trung Bộ.
8	Trạm converter Nam Trung Bộ	4000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Ninh Thuận
9	Trạm converter Bắc Bộ 3	4000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Hưng Yên.
10	Đường dây từ Bà Rịa - Vũng Tàu ra Hải Phòng	2x1700km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực miền Nam.

Ghi chú:

Các hệ thống HVDC truyền tải liên vùng, khoảng cách truyền tải lớn (gồm các đường dây HVDC và các trạm chuyển đổi converter AC-DC, DC-AC) có chi phí đầu tư rất lớn. Cần nghiên cứu kỹ, đánh giá tổng thể khi triển khai thực hiện các hệ thống này căn cứ tiến độ triển khai các dự án nguồn điện (bao gồm nguồn điện nền và nguồn NLTT), gắn với tín hiệu thị trường và cơ chế chính sách.

Bảng 2: Định hướng các đường dây và trạm biến áp UHVAC 765÷1000 kV giai đoạn 2031-2035

STT	Tên công trình	Quy mô (km/MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1	600km	Trong trường hợp phát triển nguồn điện Nam Trung Bộ cao hơn dự kiến, xem xét phương án giải tỏa công suất điện hạt nhân và tăng cường năng lực truyền tải liên kết Nam Trung Bộ - Nam Bộ bằng lưới điện xoay chiều siêu cao áp 765÷1000 kV thay cho phương án truyền tải 500 kV. Quy mô, tiến độ và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
2	Đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2	600km	Trong trường hợp phát triển nguồn điện Nam Trung Bộ cao hơn dự kiến, xem xét phương án giải tỏa công suất điện hạt nhân và tăng cường năng lực truyền tải liên kết Nam Trung Bộ - Nam Bộ bằng lưới điện xoay chiều siêu cao áp 765÷1000 kV thay cho phương án truyền tải 500 kV. Quy mô, tiến độ và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
3	TBA 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
4	TBA 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
5	TBA 765÷1000 kV Nam Bộ 1	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
6	TBA 765÷1000 kV Nam Bộ 2	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án

Ghi chú:

Sự xuất hiện của hệ thống truyền tải cực siêu cao UHVAC 765-1000 kV kết nối Nam Trung Bộ - Nam Bộ trong bảng trên gắn với quy mô phát triển nguồn điện tại Nam Trung Bộ (ĐHN Ninh Thuận 3,4, điện mặt trời, điện gió trên bờ, điện gió ngoài khơi), cần có thêm các nghiên cứu về tính khả thi và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật tổng thể.

Bảng 3: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Tây Hà Nội	1800	Cải tạo, nâng công suất
2	Sơn Tây	1800	Xây mới
3	Nam Hà Nội	1800	Xây mới
4	Đan Phượng	1800	Xây mới, xem xét nối cấp trạm 220kV Đan Phượng
5	Hải Phòng	1800	Xây mới
6	Hải Phòng 2	1800	Xây mới
7	BB 1 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK
8	Gia Lộc	900	Xây mới
9	Phổ Nối	1800	Cải tạo, nâng công suất
10	Hưng Yên 1	1800	Xây mới, đổi tên từ TBA 500 kV Long Biên trong Quy hoạch điện VIII
11	Hưng Yên 2	900	Xây mới
12	Nam Định	1800	Xây mới, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV là NĐ Nam Định, NMNĐ Nam Định 1
13	Thái Bình	1200	Xây mới
14	Trạm cắt Hòa Bình 2	Trạm cắt	Xây mới trạm cắt
15	Lào Cai	2700	Xây mới
16	Lạng Sơn	1800	Xây mới
17	Yên Bái (*)	1800	Xây mới
18	Thái Nguyên	1800	Xây mới
19	Việt Trì	1800	Cải tạo, nâng công suất
20	Vĩnh Yên	1800	Xây mới
21	Bắc Giang	900	Xây mới
22	Yên Thế	900	Xây mới
23	Bắc Ninh	1800	Xây mới
24	Bắc Ninh 2	1800	Xây mới
25	Quảng Ninh	1,800	Xây mới
26	Lai Châu	1800	Cải tạo, nâng công suất
27	Than Uyên	2700	Xây mới
28	Điện Biên	2700	Xây mới
29	Sơn La 1 (*)	1800	Xây mới
30	Sơn La 2 (*)	1800	Xây mới
31	Hòa Bình	1800	Cải tạo, nâng công suất
32	Nghi Sơn	1800	Cải tạo, nâng công suất
33	Thanh Hóa	1800	Cải tạo, nâng công suất
34	Nam Cẩm		Xây mới trạm cắt phục vụ đấu nối nhập khẩu điện từ Lào
35	Quỳnh Lưu	1800	Xây mới
36	Hà Tĩnh 2	2700	Xây mới

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
37	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	4500	Xây mới và cải tạo, nâng công suất
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Thường Tín	2700	Cải tạo, nâng công suất
2	Đông Anh	2700	Cải tạo, nâng công suất
3	Tây Hà Nội	2700	Cải tạo, nâng công suất
4	Nam Hà Nội	2700	Cải tạo, nâng công suất
5	Đan Phượng	2700	Cải tạo, nâng công suất
6	Văn Trì	1800	Xây mới
7	Hải Phòng 2	2700	Cải tạo, nâng công suất
8	BB 1 (*)	3600	Cải tạo, nâng công suất
9	BB 2 (*)	3600	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK
10	Gia Lộc	1800	Cải tạo, nâng công suất
11	Hưng Yên 1	2700	Cải tạo, nâng công suất
12	Hưng Yên 2	1800	Cải tạo, nâng công suất
13	Hà Nam	1800	Xây mới
14	Nam Định	2700	Cải tạo, nâng công suất, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV là NĐ Nam Định, NMNĐ Nam Định 1
15	Nam Định 2	900	Xây mới
16	Nam Định 3	1800	Xây mới, đồng bộ với phụ tải KKT Ninh Cơ (theo đề nghị của UBND tỉnh Nam Định tại Văn bản số 06/UBND-VP5 ngày 03/01/2025) và trong trường hợp phát triển phụ tải chuyên dùng khi TBA 220 kV không đảm bảo cấp điện. Xem xét quy mô tới 3.600 MVA khi nhu cầu phụ tải phát triển mạnh; xem xét đầu nối các nguồn ĐGNK và LNG tự sản tự tiêu để cấp điện cho phụ tải này

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
17	Thái Bình	1800	Cải tạo, nâng công suất
18	BB 4 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK
19	Lạng Sơn 2 (*)	1800	Xây mới
20	Hà Giang	1800	Xây mới
21	Thái Nguyên 2	900	Xây mới
22	Phú Thọ	1800	Xây mới
23	Vĩnh Tường	1800	Xây mới
24	Bắc Giang	1800	Cải tạo, nâng công suất
25	Yên Thế	1800	Cải tạo, nâng công suất
26	Bắc Ninh	2700	Cải tạo, nâng công suất
27	Bắc Ninh 2	2700	Cải tạo, nâng công suất
28	Bắc Ninh 3	1800	Xây mới
29	BB 3 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK
30	Hải Hà	900	Xây mới
31	Quảng Ninh 2	1800	Cải tạo, nâng công suất
32	NLTT Lai Châu 1 (*)	1800	Xây mới
33	Sơn La	2700	Cải tạo, nâng công suất
34	Thanh Hóa	2700	Cải tạo, nâng công suất
35	Tĩnh Gia	1800	Xây mới
36	Nam Cẩm	900	Lắp bổ sung MBA tại trạm cắt phục vụ cấp điện cho phụ tải địa phương (nếu cần), xem xét nối cấp trạm 220kV Nam Cẩm (nếu cần)
37	Hà Tĩnh	1800	Cải tạo, nâng công suất
38	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	2700	Xây mới và cải tạo, nâng công suất
39	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

Bảng 4: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1	x	75	Cải tạo một mạch thành hai mạch
2	Đan Phượng - Rẽ Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Đan Phượng
3	Hưng Yên 1 - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2	x	8	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 1, thay thế cho đường dây 500 kV Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín trong Quy hoạch điện VIII
4	Hưng Yên 2 - Hưng Yên 1	2	x	35	Đầu nối TBA 500kV Hưng Yên 2
5	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội
6	Sơn Tây - Đan Phượng	2	x	20	Đầu nối TBA 500 kV Sơn Tây
7	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2	x	70	Xây mới
8	BB 1 - Hải Phòng (*)	2	x	25	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
9	Hải Phòng - Thái Bình	2	x	38	Đầu nối TBA 500 kV Hải Phòng
10	Quảng Ninh 2 - Rẽ Quảng Ninh - Phố Nối và NĐ Thăng Long - Phố Nối	4	x	5	Xây mới
11	Hải Phòng - Hải Phòng 2	2	x	20	Xây mới
12	BB1 - Quảng Ninh 2 (*)	2	x	60	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
13	Gia Lộc - Rẽ Thái Bình - Phố Nối	4	x	13	Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc
14	Thái Bình - Rẽ NMND Nam Định 1 - Phố Nối	4	x	1	Đầu nối TBA 500 kV Thái Bình
15	Nam Định - Rẽ Thanh Hóa - Phố Nối	4	x	1	Xây mới, đầu nối, hoàn thiện sơ đồ TBA 500kV Nam Định.
16	Sam Nuea - Trạm cắt Hòa Bình 2	2	x	110	Xây mới
17	Trạm cắt Hòa Bình 2 - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan và Sơn La - Nho Quan	4	x	5	Xây mới
18	Trạm cắt Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội	2	x	80	Xây mới
19	Biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào Cai	2	x	65	Mua điện Trung Quốc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
20	Lào Cai - Vĩnh Yên	2	x	210	Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, giải tỏa Thủy điện nhỏ và dự phòng mua điện Trung Quốc
21	Lạng Sơn - Bắc Giang (*)	2	x	120	Xây mới
22	Lạng Sơn - Yên Thế (*)	2	x	120	Xây mới
23	Yên Bái - Thái Nguyên (*)	2	x	100	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
24	Yên Bái - Rẽ Lào Cai - Vĩnh Yên (*)	4	x	20	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
25	Hiệp Hòa - Thái Nguyên	2	x	29	Đầu nối TBA 500 kV Thái Nguyên
26	Yên Thế - Thái Nguyên	2	x	70	Xây mới
27	Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì - Hiệp Hòa	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Vĩnh Yên
28	Bắc Giang - Bắc Ninh	2	x	40	Xây mới
29	Bắc Giang - Rẽ Quảng Ninh - Hiệp Hòa	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Bắc Giang
30	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Mới	2	x	1	Đầu nối TBA 500 kV Bắc Ninh
31	Bắc Ninh 2 - Rẽ Bắc Giang - Hiệp Hòa	4	x	10	Đầu nối TBA 500 kV Bắc Ninh 2
32	LNG Quảng Ninh - Quảng Ninh	2	x	30	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Thay thế cho đường dây 500 kV LNG Quảng Ninh I - Quảng Ninh trong Quy hoạch điện VIII. Trường hợp TBA 500kV Quảng Ninh không thể mở rộng được ngăn lộ, thực hiện đầu chuyển tiếp vào ĐD 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa
33	Lai Châu - Than Uyên	2	x	75	Xây mới
34	Than Uyên - Yên Bái (*)	2	x	170	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
35	Điện Biên - Lai Châu (*)	2	x	50	Xây mới
36	Sơn La 1 - Rẽ Sơn La - Hòa Bình và Sơn La - Nho Quan (*)	2	x	150	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
37	Son La 1 - Sơn Tây (*)	2	x	150	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
38	Son La 2 - Sơn La 1 (*)	2	x	50	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.
39	TĐ Hòa Bình mở rộng - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	2	x	1	Đồng bộ TĐ Hòa Bình MR
40	Quỳnh Lưu - Rẽ Quảng Trạch - Thanh Hóa	4	x	5	Xây mới
41	LNG Nghi Sơn - LNG Quỳnh Lập	2	x	10	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 1
42	LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	2	x	190	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 2
43	LNG Quỳnh Lập - Quỳnh Lưu	2	x	15	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 2
44	Đầu nối TĐTN Bắc Trung Bộ	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn
45	LNG Quảng Trạch II - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
46	Trạm cắt Nam Cẩm - Rẽ Vũng Áng - Nho Quan	4	x	12	Xây mới, phục vụ đầu nối nguồn điện nhập khẩu Lào. Chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 500 kV Vũng Áng - Nho Quan hiện hữu (mạch 1,2)
47	Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	2	x	380	Xây mới, sử dụng dây phân pha tiết diện lớn, chuyển đầu nối đường dây 500kV Vũng Áng - Rẽ Đà Nẵng - Hà Tĩnh (mạch 3,4), kết hợp thay dây siêu nhiệt đoạn này.
48	Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng (mạch 3,4)	2	x	16	Chuyển tiếp vào đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng mạch 2
49	Hà Tĩnh 2 - Rẽ Vũng Áng - Hà Tĩnh (*)	4	x	5	Xây mới
50	ĐG Phila - Trạm cắt 500 kV Nam Cẩm	2	x	35	Phương án đề xuất trong văn bản của UBND tỉnh, phục vụ nhập khẩu điện từ Lào
51	ĐG Cha Lo - TBA 500 kV Hà Tĩnh	2	x	50	Phương án đề xuất trong văn bản của UBND tỉnh, phục vụ nhập khẩu điện từ Lào
52	Đầu nối Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To-Back) 500kV Lào Cai	4	x	2	Phục vụ liên kết nhập khẩu điện từ Trung Quốc, triển khai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Lào Cai, nếu xây

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
					dựng trạm chuyển đổi Back-to-Back trên lãnh thổ Việt Nam.
53	Dự phòng đầu nối các nguồn điện tại các tỉnh Boulikhamxay, Khammouane, Lào			600	Xây mới
54	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			200	Xây mới và cải tạo
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 1 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
2	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 2 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
3	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 3 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
4	Vân Tri - Vĩnh Yên	2	x	40	Xây mới
5	BB 2 - Rẽ BB 1 - Hải Phòng 2 (*)	4	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
6	Hà Nam - Thái Bình	2	x	20	Xây mới
7	Nam Định 2 - Rẽ LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	4	x	5	Xây mới
8	Nam Định - Nam Định 3	2	x	18	Xây mới, đồng bộ với TBA 500 kV Nam Định 3
9	BB 4 - Bắc Giang (*)	2	x	135	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
10	Hà Giang - Rẽ Yên Bái - Thái Nguyên	2	x	180	Xây mới
11	Lạng Sơn 2 500 kV - Rẽ Lạng Sơn - Yên Thế	4	x	10	Xây mới
12	Thái Nguyên 2 - Thái Nguyên - Yên Thế	2	x	20	Xây mới
13	Phủ Thọ - Rẽ Sơn La - Việt Trì	4	x	20	Xây mới
14	Sơn Tây - Vĩnh Tường	2	x	20	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
15	Bắc Ninh 3 - Rẽ Hưng Yên 1 - Phố Nối	4	x	10	Xây mới
16	BB 3 - Lạng Sơn (*)	2	x	140	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
17	Hải Hà - Rẽ BB 3 - Lạng Sơn	2	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
18	NLTT Lai Châu 1 - Rẽ Lai Châu - Than Uyên (*)	4	x	20	Xây mới
19	LNG Công Thanh - Rẽ Nghi Sơn - Nho Quan	2	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
20	LNG Thái Bình GĐ 2 - Thái Bình	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
21	LNG Vũng Áng III - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trạch	2	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
22	LNG Thanh Hóa - LNG Công Thanh	2	x	5	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
23	LNG Công Thanh - Bắc Ninh 3	2	x	220	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong GĐ triển khai dự án. Xem xét sử dụng cột bốn mạch, tận dụng tối đa hướng tuyến với LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 1.
24	Đầu nối TĐTN Bắc Bộ 1 (*)	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
25	TĐTN Đông Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì và Sơn La - Vĩnh Yên	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
26	TĐTN Bắc Bộ 1 - rẽ Sơn La 1 - Sơn Tây (*)	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
27	Tĩnh Gia - Rẽ LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	4	x	4	Xây mới
28	LNG Hải Phòng - TBA 500 kV Hải Phòng (hoặc TBA 500 kV Gia Lộc)	2	x	45	Đồng bộ NMD LNG Hải Phòng giai đoạn I
29	LNG Quảng Trạch III - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
30	Cải tạo Quảng Trị - Vũng Áng (mạch 2)	2	x	200	Xây mới, dự phòng trường hợp triển khai HVDC Trung Trung Bộ 1 - Bắc Bộ 1, tận dụng tuyến đường dây 500 kV Quảng Trị - Vũng Áng hiện hữu
31	TĐ Sơn La MR - TĐ Sơn La - Lai Châu	1	x	5	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
32	TĐ Lai Châu MR - Rẽ TĐ Lai Châu - Lai Châu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
33	Cải tạo Vũng Áng - Nho Quan (mạch 1)	2	x	360	Cải tạo đường dây 500 kV hiện hữu thành 02 mạch
34	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			340	Xây mới và cải tạo

**Bảng 5: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Bắc**

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Vân Trì	750	Cải tạo, nâng công suất
2	Tây Hà Nội	750	Cải tạo, nâng công suất
3	Sóc Sơn 2	250	Xây mới
4	Văn Điển	500	Xây mới
5	Long Biên 2	500	Xây mới
6	Mê Linh	500	Xây mới
7	Chương Mỹ	250	Xây mới
8	Ứng Hòa	500	Xây mới
9	Đại Mỗ	750	Xây mới
10	Hòa Lạc	500	Xây mới
11	Cầu Giấy	250	Xây mới
12	Hai Bà Trưng	250	Xây mới
13	Thanh Xuân	750	Xây mới
14	Đan Phượng	500	Xây mới
15	Phú Xuyên	250	Xây mới
16	Hòa Lạc 2	500	Xây mới
17	NLTT Hà Nội 2 (*)	500	Xây mới
18	Vật Cánh	500	Cải tạo, nâng công suất
19	NĐ Hải Phòng	500	Cải tạo, nâng công suất
20	Đồ Sơn	250	Xây mới
21	An Lão	500	Xây mới
22	Đại Bản	250	Xây mới
23	Dương Kinh	500	Xây mới
24	Tiên Lãng	500	Xây mới
25	Cát Hải	500	Xây mới
26	NĐ Phả Lại	750	Cải tạo, nâng công suất
27	Gia Lộc	500	Xây mới
28	Tứ Kỳ	250	Xây mới
29	NĐ Hải Dương	500	Cải tạo, nâng công suất
30	Tân Việt	500	Xây mới
31	Thanh Hà	250	Xây mới
32	Nhị Chiểu	250	Xây mới
33	Nam Sách	250	Xây mới
34	Thanh Miện	250	Xây mới
35	Hưng Yên 2 500 kV nối cấp	250	Xây mới
36	Bãi Sậy	500	Xây mới
37	Văn Giang	250	Xây mới
38	Lý Nhân	500	Xây mới
39	Đồng Văn	750	Xây mới
40	Hải Hậu	500	Xây mới
41	Nam Định 2	250	Xây mới
42	Nghĩa Hưng	500	Xây mới
43	Nam Định 3	750	Xây mới
44	Giao Thủy	250	Xây mới
45	Quỳnh Phụ	500	Xây mới
46	Vũ Thư	500	Xây mới
47	Thái Bình 500 kV nối cấp	500	Xây mới

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
48	Ninh Bình 2	500	Xây mới
49	Nho Quan 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất
50	Tam Điệp	250	Xây mới
51	Gia Viễn	500	Xây mới, thực hiện trong trường hợp di dời TBA 220kV Ninh Bình
52	Hà Giang	375	Cải tạo, nâng công suất
53	Bắc Quang	500	Cải tạo, nâng công suất
54	Cao Bằng	500	Cải tạo, nâng công suất
55	Bắc Hà	250	Xây mới
56	Bát Xát	500	Xây mới
57	Lào Cai 500 kV nối cấp	500	Xây mới
58	Văn Bàn	250	Xây mới
59	Bắc Kạn 1 (*)	500	Xây mới
60	Lạng Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất
61	Đồng Mỏ	500	Xây mới
62	Lạng Sơn 2 (*)	500	Xây mới
63	Lạng Sơn 1 (*)	500	Xây mới
64	Tuyên Quang	500	Cải tạo, nâng công suất
65	Nghĩa Lộ	500	Xây mới
66	Yên Bái	500	Cải tạo, nâng công suất
67	Lục Yên	250	Xây mới
68	Yên Bái 1 (*)	500	Xây mới
69	Yên Bái 2 (*)	500	Xây mới
70	Sông Công	500	Xây mới
71	Phủ Bình 2	500	Xây mới
72	Đại Từ	250	Xây mới
73	NLTT Thái Nguyên 2 (*)	500	Xây mới
74	Phủ Thọ 2	500	Xây mới
75	Việt Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới
76	Phủ Thọ 3	250	Xây mới
77	Tam Dương	500	Xây mới
78	Bá Thiện	500	Xây mới
79	Phúc Yên	250	Xây mới
80	Chấn Hưng	250	Xây mới
81	Bắc Giang 500 kV nối cấp	500	Xây mới
82	Lạng Giang	250	Xây mới
83	Yên Dũng	500	Xây mới
84	Hiệp Hòa 2	500	Xây mới
85	Tân Yên	500	Xây mới
86	Việt Yên	500	Xây mới
87	Bắc Giang 1 (*)	500	Xây mới
88	Bắc Ninh 6	500	Xây mới
89	Bắc Ninh 4	500	Xây mới
90	Bắc Ninh 5	500	Xây mới
91	Bắc Ninh 7	500	Xây mới
92	Bắc Ninh 500 kV nối cấp	500	Xây mới
93	Hoành Bồ	500	Cải tạo, nâng công suất
94	Cầm Phá	500	Cải tạo, nâng công suất
95	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất
96	Khe Thần	126	Xây mới
97	Móng Cái	500	Xây mới
98	Yên Hưng	750	Cải tạo, nâng công suất

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
99	Hải Hà 2	250	Xây mới thay thế TBA 220 kV KCN Hải Hà
100	Cộng Hòa	500	Xây mới
101	Nam Hòa	500	Xây mới
102	Quảng Ninh 1 (*)	500	Xây mới
103	NLTT Quảng Ninh 2 (*)	500	Xây mới
104	Mường Tè	750	Cải tạo, nâng công suất
105	Pắc Ma	500	Xây mới
106	Phong Thổ	500	Xây mới
107	Sìn Hồ	250	Xây mới
108	Than Uyên	750	Cải tạo, nâng công suất
109	NLTT Lai Châu 1 (*)	500	Xây mới
110	NLTT Lai Châu 2 (*)	500	Xây mới
111	Điện Biên	500	Xây mới
112	Điện Biên 1 (*)	500	Xây mới
113	Điện Biên 2 (*)	500	Xây mới
114	Mường La	500	Cải tạo, nâng công suất
115	Sông Mã	250	Xây mới
116	Mộc Châu	250	Xây mới
117	Phù Yên	375	Xây mới
118	Sơn La 1 (*)	250	Xây mới
119	Sơn La 2 (*)	500	Xây mới
120	Sơn La 3 (*)	500	Xây mới
121	Sơn La 4 (*)	500	Xây mới
122	Sơn La 5 (*)	500	Xây mới
123	Sơn La 6 (*)	500	Xây mới
124	Hòa Bình	500	Cải tạo, nâng công suất
125	Yên Thủy	250	Cải tạo, nâng công suất
126	Tân Lạc	250	Xây mới
127	Sầm Sơn	500	Xây mới
128	Tĩnh Gia	500	Xây mới
129	KKT Nghi Sơn	750	Cải tạo, nâng công suất
130	Lọc hoá dầu Nghi Sơn	500	Xây mới
131	Hậu Lộc	500	Xây mới
132	Thiệu Hóa	250	Xây mới
133	Thiệu Yên	250	Xây mới
134	Thanh Hóa 1 (*)	500	Xây mới
135	Đồng Vàng	500	Xây mới
136	Nghi Sơn 2	500	Xây mới
137	Đô Lương	500	Cải tạo, nâng công suất
138	Nam Cẩm	500	Xây mới
139	Quý Hợp	250	Xây mới
140	Tương Dương	250	Cải tạo, nâng công suất
141	Bá Thước	250	Xây mới
142	Hoàng Mai	500	Xây mới
143	Hoàng Mai 2	250	Xây mới
144	Quỳnh Lưu 500kV nối cấp	500	Xây mới
145	NLTT Nghệ An 1 (*)	500	Xây mới
146	NLTT Nghệ An 2 (*)	500	Xây mới
147	Hà Tĩnh	500	Cải tạo, nâng công suất
148	Can Lộc	250	Xây mới
149	Vũng Áng	500	Xây mới
150	Vũng Áng 2	500	Xây mới

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
151	Hà Tĩnh 1 (*)	500	Xây mới
152	NLTT Hà Tĩnh 2 (*)	500	Xây mới
153	NLTT Hà Tĩnh 3 (*)	500	Xây mới
154	NLTT Hà Tĩnh 4 (*)	500	Xây mới
155	NLTT Hà Tĩnh 5 (*)	500	Xây mới
156	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	3750	Xây mới và cải tạo, nâng công suất
157	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch bao gồm nhưng không giới hạn tại các thanh cái TBA 500 kV Phố Nối, Tây Hà Nội, Hiệp Hòa, Đan Phượng, Bắc Ninh, ND Phả Lại, Trảng Bạch		Hạn chế dòng ngắn mạch
158	Cải tạo sơ đồ thanh cái linh hoạt, 4 phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn tại các trạm 500 kV Nho Quan, Sơn La, Đông Anh và các trạm Vân Trì, Vật Cách, Long Biên, Trục Ninh, Thái Bình, Hà Đông, Thanh Nghị, Bắc Ninh 2, ND Hải Dương		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
159	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Sóc Sơn 2	750	Cải tạo, nâng công suất
2	Văn Điển	750	Cải tạo, nâng công suất
3	Long Biên 2	750	Cải tạo, nâng công suất
4	Xuân Mai	750	Cải tạo, nâng công suất
5	Chương Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Ứng Hòa	750	Cải tạo, nâng công suất
7	Hòa Lạc	750	Cải tạo, nâng công suất
8	Cầu Giấy	500	Cải tạo, nâng công suất
9	Hai Bà Trưng	750	Cải tạo, nâng công suất
10	Đan Phượng	750	Cải tạo, nâng công suất
11	Phủ Xuyên	500	Cải tạo, nâng công suất
12	Đông Anh 2	500	Xây mới
13	Đông Anh 3	500	Xây mới
14	Hòa Lạc 2	750	Cải tạo, nâng công suất
15	Phúc Thọ	500	Xây mới
16	Thanh Trì	500	Xây mới
17	Thanh Oai	500	Xây mới
18	Vân Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
19	Vân Trì 2	500	Xây mới
20	Đình Vũ	750	Cải tạo, nâng công suất
21	Đồ Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất
22	An Lão	750	Cải tạo, nâng công suất
23	Thủy Nguyên	750	Cải tạo, nâng công suất
24	Đại Bản	500	Cải tạo, nâng công suất
25	Hải Phòng 2	250	Xây mới
26	Đình Vũ 2	500	Xây mới
27	Gia Lộc	750	Cải tạo, nâng công suất
28	Tứ Kỳ	500	Cải tạo, nâng công suất
29	Thanh Hà	500	Cải tạo, nâng công suất
30	Nhị Chiểu	500	Cải tạo, nâng công suất
31	Nam Sách	500	Cải tạo, nâng công suất
32	Thanh Miện	500	Cải tạo, nâng công suất
33	Phổ Nối	750	Cải tạo, nâng công suất
34	Phổ Cao	750	Cải tạo, nâng công suất
35	Hưng Yên 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất
36	Văn Giang	500	Cải tạo, nâng công suất
37	Phổ Nối 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
38	Phủ Lý	750	Cải tạo, nâng công suất
39	Thanh Nghị	750	Cải tạo, nâng công suất
40	Lý Nhân	750	Cải tạo, nâng công suất
41	Kim Bảng	500	Xây mới
42	Nam Định 2	500	Cải tạo, nâng công suất
43	Giao Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất
44	Nam Định 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới
45	Thái Bình 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
46	Tiền Hải	500	Xây mới
47	Ninh Bình 2	750	Cải tạo, nâng công suất
48	Tam Điệp	500	Cải tạo, nâng công suất
49	Hà Giang	500	Cải tạo, nâng công suất
50	Hà Giang 2	250	Xây mới
51	Quảng Uyên	250	Xây mới
52	Lào Cai 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
53	Văn Bàn	500	Cải tạo, nâng công suất
54	Lào Cai 2	250	Xây mới
55	NLTT Lào Cai 3 (*)	500	Xây mới
56	Đồng Mô	750	Cải tạo, nâng công suất
57	TĐ Tuyên Quang	250	Cải tạo, nâng công suất
58	Sơn Dương	500	Xây mới
59	Lục Yên	500	Cải tạo, nâng công suất
61	Đại Từ	500	Cải tạo, nâng công suất
62	Phúc Xuân	500	Xây mới
63	Phú Lương	500	Xây mới
64	Phú Bình 3	500	Xây mới
65	Phú Thọ 3	500	Cải tạo, nâng công suất
66	Việt Trì 2	500	Xây mới
67	Phú Thọ 500 kV nối cấp	500	Xây mới
68	Vĩnh Yên	750	Cải tạo, nâng công suất
69	Bá Thiện	750	Cải tạo, nâng công suất
70	Phúc Yên	500	Cải tạo, nâng công suất
71	Chấn Hưng	500	Cải tạo, nâng công suất
72	Vĩnh Tường 500 kV nối cấp	500	Xây mới

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
73	Lạng Giang	500	Cải tạo, nâng công suất
74	Yên Dũng	750	Cải tạo, nâng công suất
75	Sơn Động	500	Cải tạo, nâng công suất
76	Tân Yên	750	Cải tạo, nâng công suất
77	Việt Yên	750	Cải tạo, nâng công suất
78	Chũ	500	Xây mới
79	Bắc Ninh	750	Cải tạo, nâng công suất
80	Bắc Ninh 3	750	Cải tạo, nâng công suất
81	Bắc Ninh 2	750	Cải tạo, nâng công suất
82	Bắc Ninh 6	750	Cải tạo, nâng công suất
83	Bắc Ninh 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới
84	Bắc Ninh 3 500 kV nối cấp	500	Xây mới
85	Bắc Ninh 10	750	Xây mới
86	Bắc Ninh 9	750	Xây mới
87	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
88	Hải Hà 2	500	Cải tạo, nâng công suất
89	Vân Đồn	250	Xây mới
90	Sin Hồ	750	Cải tạo, nâng công suất
91	NLTT Lai Châu 3 (*)	500	Xây mới
92	NLTT Lai Châu 4 (*)	500	Xây mới
93	Sông Mã	500	Cải tạo, nâng công suất
94	Yên Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất
95	Lương Sơn	250	Xây mới
96	Hòa Bình 1 (*)	250	Xây mới
97	Thiệu Hóa	500	Cải tạo, nâng công suất
98	Thiệu Yên	500	Cải tạo, nâng công suất
99	Tĩnh Gia 500 kV nối cấp	500	Xây mới
100	Quỳ Hợp	500	Cải tạo, nâng công suất
101	Tương Dương	500	Cải tạo, nâng công suất
102	Hoàng Mai 2	500	Cải tạo, nâng công suất
103	Hưng Nguyên	500	Xây mới
104	Cửa Lò	500	Xây mới
105	Can Lộc	500	Cải tạo, nâng công suất
106	Lộc Hà	250	Xây mới
107	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	2750	Xây mới và cải tạo, nâng công suất
108	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các TBA theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải ĐZ và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

Bảng 6: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Đông Anh 500 kV - Vân Trì	2	x	16	Xây mới
2	Đại Mỗ (Mỹ Đình) - Rẽ Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Mỗ
3	Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	16	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Xuân
4	Cải tạo đường dây 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên 01 mạch thành 2 mạch	2	x	30	Cải tạo một mạch thành hai mạch, đồng thời chuyển đầu nối thành đường dây 2 mạch Sơn Tây - Vĩnh Yên
5	Chương Mỹ - Rẽ Hòa Bình - Hà Đông	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Chương Mỹ
6	Đan Phượng 500 kV - Mê Linh	2	x	15	Xây mới
7	Đan Phượng 500 kV - Cầu Giấy	2	x	20	Đường dây trên không và cáp ngầm (nội đô), đầu nối TBA 220 kV Cầu Giấy
8	Đầu nối Đan Phượng 500 kV - rẽ Chèm - Vân Trì và Chèm - Tây Hồ	4	x	11	Xây mới
9	Nam Hà Nội 500 kV - rẽ Hà Đông - Phú Lý	4	x	5	Xây mới
10	Hai Bà Trưng - Mai Động	2	x	3	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
11	Hai Bà Trưng - Thành Công	2	x	5	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
12	Long Biên - Mai Động	2	x	15	Xây mới
13	Long Biên 2 - Rẽ Mai Động - Long Biên	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Long Biên 2
14	Hưng Yên 1 500 kV - Long Biên 2	2	x	20	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Hưng Yên 1
15	Hưng Yên 1 500 kV - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	4	x	4	Xây mới
16	Mạch 2 Hà Đông - Ứng Hòa - Phú Lý	2	x	40	Cải tạo một mạch thành hai mạch, mở rộng 02 ngăn lộ tại trạm 220 kV Ứng Hòa
17	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 1)	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh
18	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 2)	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh. Chuyển đầu nối ĐZ 220 kV Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh và Mê Linh - Vân Trì thành Vĩnh Yên - Vân Trì khi đóng ngăn mạch khu vực tăng cao hơn giới hạn cho phép
19	Nam Hà Nội 500 kV - Phú Xuyên	2	x	15	Đầu nối TBA 220 kV Phú Xuyên

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
20	Hòa Bình - Tây Hà Nội mạch 4	1	x	50	Xây mới, tận dụng cải tạo đoạn tuyến Hòa Bình - Hà Đông mạch 3 cũ. Đồng bộ với cải tạo sơ đồ sân phân phối 220kV TĐ Hòa Bình để hạn chế dòng ngắn mạch
21	Nâng khả năng tải 500 kV Thường Tín - Phố Nối	2	x	34	Nâng khả năng tải 1 mạch Thường Tín - TBA 220 kV Phố Nối, 1 mạch Thường Tín - TBA 500 kV Phố Nối
22	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Sóc Sơn	2	x	10	Nâng khả năng tải hai mạch ĐD 220kV Hiệp Hòa - Sóc Sơn, gỡ bỏ hai mạch còn lại để hạn chế dòng ngắn mạch
23	Nâng khả năng tải Vân Trì - Tây Hồ - Chèm	2	x	20	Đảm bảo cấp điện Hà Nội
24	Nâng khả năng tải Xuân Mai - Hà Đông	1	x	25	Cải tạo
25	Sóc Sơn 2 - Rẽ Hiệp Hòa - Đông Anh	2	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Sóc Sơn 2
26	Sơn Tây 500 kV - Hòa Lạc	2	x	12	Xây mới
27	Sơn Tây 500 kV - Hòa Lạc 2	2	x	15	Xây mới
28	Sơn Tây 500 kV - Rẽ Sơn Tây - Vĩnh Yên	4	x	5	Xây mới
29	Tây Hà Nội 500 kV - Hòa Lạc	2	x	14	Xây mới
30	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phú Lý	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Ứng Hòa
31	Văn Điển - Rẽ Hà Đông - Thường Tín	4	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Văn Điển
32	NLTT Hà Nội 2 - Sơn Tây (*)	2	x	15	Xây mới
33	Dương Kinh - Rẽ Đồng Hòa - Đình Vũ	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Dương Kinh, đồng thời chuyển đầu nối Hải Dương 2 - Đồng Hòa và Đồng Hòa - Đình Vũ thành Hải Dương 2 - Đình Vũ
34	An Lão - Rẽ Đồng Hòa - Thái Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV An Lão
35	Cát Hải - Đình Vũ	2	x	12	Trường hợp không mở rộng được ngăn lộ trạm biến áp 220 kV Đình Vũ, xem xét đầu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 220kV Đình Vũ - Dương Kinh
36	Đại Bản - Rẽ Hải Dương 2 - Dương Kinh	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Bản
37	Đồ Sơn - Dương Kinh	2	x	8	Đầu nối TBA 220 kV Đồ Sơn
38	Hải Phòng 2 500 kV - Rẽ Đồng Hòa - Vật Cách	4	x	10	Xây mới
39	Hải Phòng 2 500 kV - Đại Bản	4	x	5	Xây mới, xem xét nối cấp TBA 220kV Đại Bản

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
40	Hải Phòng 500 kV - Dương Kinh	2	x	8	Xây mới
41	Hải Phòng 500 kV - Tiên Lãng	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Tiên Lãng
42	Nam Hòa - Cát Hải	2	x	12	Xây mới
43	BB 1 - Đồ Sơn (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
44	Gia Lộc - Rẽ NĐ Hải Dương - Phố Nối	4	x	5	Xây mới
45	500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	32	Xây mới
46	Gia Lộc 500 kV - Rẽ Gia Lộc - Hải Phòng 500 kV	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc, trường hợp không bố trí được quỹ đất nối cấp Gia Lộc 220 kV
47	Nhị Chiều - Rẽ Mạo Khê - Hải Dương 2	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nhị Chiều
48	Tân Việt - Rẽ Gia Lộc - Phố Nối	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Tân Việt
49	Thanh Hà - Rẽ 500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	12	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Hà
50	Tứ Kỳ - Rẽ Hải Phòng 500 kV - Gia Lộc	4	x	4	Xây mới
51	Gia Lộc 500 kV - Thanh Miện	2	x	11	Xây mới
52	Nam Sách - NĐ Hải Dương	2	x	11	Xây mới
53	Bãi Sậy - Kim Động	2	x	11	Đầu nối TBA 220 kV Bãi Sậy
54	Hưng Yên 2 500 kV - Đồng Văn	2	x	14	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 2
55	Hưng Yên 2 500 kV - Rẽ Kim Động - Phố Cao	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 2
56	Văn Giang - Rẽ Hưng Yên 1 500 kV - Thường Tín 500 kV	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Văn Giang
57	Mạch 2 Nho Quan - Phủ Lý	1	x	40	Xây mới cải tạo 1 mạch thành hai mạch
58	Đồng Văn - Phủ Lý	2	x	17	Đầu nối TBA 220 kV Đồng Văn, trường hợp Phủ Lý không mở rộng được ngăn lộ, thực hiện đầu chuyển tiếp Hà Đông - Phủ Lý
59	Lý Nhân - Rẽ Thanh Nghị - Thái Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Lý Nhân
60	Hải Hậu - Trục Ninh	2	x	17	Đầu nối TBA 220 kV Hải Hậu
61	Nam Định 2 - Rẽ Trục Ninh - Ninh Bình và Trục Ninh - Nam Định	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nam Định 2

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
62	NĐ Nam Định 500 kV - Hải Hậu	2	x	10	Đầu nối TBA 500 kV Nam Định
63	NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	2	x	47	Đầu nối TBA 500 kV Nam Định
64	NĐ Nam Định 500 kV - Nam Định 3	2	x	18	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
65	NĐ Nam Định 500 kV - Ninh Bình 2	2	x	30	Dây phân pha tiết diện lớn. Đầu nối TBA 500 kV Nam Định
66	Nghĩa Hưng - Rẽ NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nghĩa Hưng
67	Giao Thủy - rẽ LNG Thái Bình - Trục Ninh	4	x	4	Xây mới, đầu nối TBA 220kV Giao Thủy
68	Vũ Thư - Rẽ Thái Bình - Nam Định và Thái Bình - Ninh Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Vũ Thư
69	LNG Thái Bình - Tiên Lãng	2	x	56	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
70	LNG Thái Bình - Trục Ninh	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
71	Quỳnh Phụ - Rẽ Thái Bình - Đồng Hòa	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Quỳnh Phụ
72	Thái Bình 500 kV - Rẽ Thái Bình - Kim Động	4	x	5	Đầu nối phía 220 kV Thái Bình 500 kV
73	Thái Bình 500 kV - Thanh Nghị	2	x	53	Xây mới
74	Cải tạo đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn 01 mạch thành 02 mạch	2	x	34	ĐD 220kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn thay thế cho ĐD 220kV Ninh Bình - Tam Điệp - Bim Sơn trong trường hợp di dời TBA 220kV Ninh Bình
75	Gia Viễn - Nam Định	2	x	13	Chuyển đầu nối Gia Viễn - Nam Định, thực hiện trong trường hợp di chuyển TBA 220 kV Ninh Bình
76	Gia Viễn - Rẽ Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	4	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Gia Viễn
77	Nâng khả năng tải Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	2	x	26	Cải tạo
78	Ninh Bình 2 - Rẽ Ninh Bình - Thái Bình	2	x	12	Đầu nối TBA 220 kV Ninh Bình 2
79	Tam Điệp - Rẽ Bim Sơn - Ninh Bình	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Tam Điệp trên một mạch trước, đầu nối mạch còn lại đồng bộ với đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn
80	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình - Rẽ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	2	x	16	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình
81	Bắc Quang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang)	2	x	55	Tăng cường mua điện Trung Quốc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
82	Nâng khả năng tải Hà Giang - Rẽ TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên			42+51	Nâng khả năng tải các đoạn AC410 trên tuyến Hà Giang - TĐ Bắc Mê (42km) và Hà Giang - Thái Nguyên (51km)
83	Treo dây mạch 2 Hà Giang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc	1	x	30	Tăng cường mua điện Trung Quốc
84	Bảo Lâm - Bắc Mê	2	x	30	Giải phóng công suất thủy điện nhỏ Hà Giang
85	Cao Bằng - Lạng Sơn	2	x	120	Xây mới
86	Bát Xát - 500 kV Lào Cai	2	x	47	Đầu nối TBA 220 kV Bát Xát
87	Đầu nối 500 kV Lào Cai	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, rẽ Bảo Thắng - Yên Bái
88	Bắc Hà - Lào Cai 500 kV	1	x	50	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
89	TĐ Bắc Hà - chuyển đầu nối 500 kV Lào Cai	1	x	5	Giảm tải đường dây 220kV Bảo Thắng - Lào Cai 500 kV
90	Than Uyên - 500 kV Lào Cai	2	x	73	Đầu nối TBA 220 kV Than Uyên, giải tỏa thủy điện nhỏ
91	Văn Bàn - Rẽ Than Uyên - Lào Cai 500 kV	4	x	10	Đầu nối TBA 220 kV Văn Bàn, giải phóng công suất thủy điện nhỏ
92	Nâng khả năng tải Lào Cai 500 kV - Lục Yên	2	x	90	Cải tạo
93	Bắc Kạn 1 - Bắc Kạn (*)	2	x	10	Xây mới
94	Đồng Mỏ - Rẽ Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Đồng Mỏ
95	Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ (*)	2	x	60	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
96	Lạng Sơn 2 - Lạng Sơn 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
97	TĐ Yên Sơn - Rẽ TĐ Tuyên Quang - Tuyên Quang	2	x	8	Đồng bộ TĐ Yên Sơn
98	Nghĩa Lộ - Việt Trì (500 kV Việt Trì)	2	x	93	Giải tỏa thủy điện nhỏ
99	Huội Quảng - Nghĩa Lộ	2	x	103	Giải tỏa thủy điện nhỏ
100	Chuyển đầu nối Bắc Quang - Lục Yên	2	x	1	Chuyển đầu nối Bắc Quang về Lục Yên
101	Lục Yên - rẽ 220 kV Lào Cai - Yên Bái	4	x	5	Xây mới
102	Nâng khả năng tải Lục Yên - Yên Bái	2	x	58	Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc
103	Nâng khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang	2	x	36	Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc
104	Yên Bái 2 - Yên Bái 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
105	Yên Bái 500 kV - Rẽ Yên Bái - Tuyên Quang (*)	4	x	5	Xây mới
106	Yên Bái 1 - Yên Bái 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới
107	Đầu nối TĐ An Bình (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
108	Đầu nối TĐ An Thịnh (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
109	Đầu nối TĐ Việt Thành (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
110	NLTT Thái Nguyên 2 - Rẽ Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện
111	Phú Bình 2 - Rẽ Thái Nguyên - Bắc Giang	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2
112	500 kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2
113	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Lưu Xá - Phú Bình	2	x	13	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
114	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Malungtang - Thái Nguyên	2	x	14	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
115	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Tuyên Quang (TBA) - Phú Bình	2	x	14	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
116	Đại Từ - Rẽ Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Từ
117	Đầu nối Yên Thế 500 kV	4	x	4	Xây mới
118	Hiệp Hòa 2 - Rẽ Hiệp Hòa 500 kV - Phú Bình 2	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Hiệp Hòa 2
119	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Phú Bình	1	x	11	Nâng khả năng tải mạch ACSR410
120	Nâng khả năng tải Thái Nguyên - Lưu Xá - Phú Bình	1	x	30	Cải tạo
121	Sông Công - Rẽ Tuyên Quang - Phú Bình	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Sông Công

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
122	Tân Yên - Rẽ Yên Thế - Việt Yên	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Tân Yên
123	Yên Thế 500 kV - Việt Yên	2	x	25	Đầu nối TBA 220 kV Việt Yên
124	500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	2	x	50	Xây mới
125	Phú Thọ 2 - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 2
126	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Việt Trì	2	x	10	Cải tạo
127	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Tường	1	x	27	Cải tạo
128	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Yên	1	x	36	Cải tạo
129	Phú Thọ 3 - Rẽ Nghĩa Lộ - 500 kV Việt Trì	4	x	22	Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 3
130	Bá Thiện (Vĩnh Yên 500 kV) - Rẽ Vĩnh Yên - Sóc Sơn	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thiện. Kết hợp cải tạo, nâng khả năng tải đoạn tuyến hiện hữu từ Vĩnh Yên 220kV đến điểm giao cắt.
131	Chấn Hưng - Rẽ 500 kV Việt Trì - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Chấn Hưng
132	Phúc Yên - Rẽ Vĩnh Yên 500 kV - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	1	Xây mới
133	Tam Dương - Rẽ 500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	4	x	4	Đầu nối TBA 220 kV Tam Dương
134	Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	2	x	17	Xây mới và cải tạo, chuyển đầu nối thành đường dây 02 mạch Vĩnh Tường - Vĩnh Yên
135	Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh	2	x	28	Thay thế cho đường dây 220 kV Mê Linh - Bá Thiện trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Trạm 220 kV Bá Thiện nối cấp trong trạm 500 kV Vĩnh Yên.
136	NĐ Phả Lại - Bắc Giang Mạch 2	2	x	27	Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch
137	Bắc Giang 1 - Lạng Sơn 1 (*)	2	x	35	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
138	Bắc Giang 500 kV - Rẽ NMND An Khánh Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	8	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bắc Giang
139	Đầu nối NMND An Khánh Bắc Giang	4	x	14	Đồng bộ NMND An Khánh Bắc Giang, đầu nối trên ĐD 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn
140	Đồng Mô - Sơn Động	2	x	60	Xây mới
141	Lạng Giang - Rẽ Bắc Giang - Thái Nguyên	2	x	1	Đầu nối trạm biến áp 220 kV Lạng Giang

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
142	Yên Dũng - Rẽ NĐ Phả Lại - Quang Châu	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Yên Dũng
143	Bắc Ninh 4 - Đông Anh	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 4
144	Bắc Ninh 5 - Rẽ Bắc Ninh 500 kV - Phố Nối	2	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 5
145	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh	2	x	10	Đồng bộ với chuyển đầu nối đường dây 220kV Phả Lại - Bắc Ninh và Bắc Ninh - Quang Châu thành Phả Lại - Quang Châu để hạn chế dòng ngắn mạch
146	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh 4	2	x	14	Xây mới
147	Bắc Ninh 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 2 - Phố Nối	4	x	3	Đầu nối phía 220 kV Bắc Ninh 500 kV
148	Bắc Ninh 6 - Rẽ Phả Lại - 500 kV Phố Nối	2	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 6, xem xét sử dụng cột 04 mạch treo trước 02 mạch
149	Bắc Ninh 7 - Rẽ Đông Anh 500 kV - Bắc Ninh 4	4	x	2	Xây mới
150	Cộng Hòa - Rẽ Cẩm Phả - Hải Hà	4	x	2	Xây mới
151	Biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Móng Cái	2	x	15	Xây mới, phục vụ tăng cường mua điện Trung Quốc
152	Hải Hà - Móng Cái	2	x	40	Xây mới
153	Hải Hà - Hải Hà 2	2	x	10	Xây mới, thay thế đường dây KCN Hải Hà - Hải Hà trong QHĐ VIII
154	Khe Thần - Rẽ Trảng Bạch - Hoành Bồ	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Khe Thần
155	Nâng khả năng tải Quảng Ninh - Hoành Bồ	2	x	20	Cải tạo
156	Quảng Ninh 1 - Rẽ Hoành Bồ - NĐ Sơn Động và Hoành Bồ - Trảng Bạch (*)	4	x	5	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
157	Yên Hưng - Nam Hòa	2	x	29	Đầu nối TBA 220 kV Nam Hòa
158	NLTT Quảng Ninh 2 - Cộng Hòa (*)	2	x	16	Xây mới
159	Quảng Ninh 2 500 kV - Rẽ Yên Hưng - Nam Hòa	4	x	15	Xây mới
160	Quảng Ninh 2 500 kV - Rẽ - Hoành Bồ - Trảng Bạch	2	x	5	Xây mới
161	Pắc Ma - Mường Tè	2	x	31	Giải tỏa TĐ
162	Lai Châu 500 kV - Phong Thổ	2	x	60	Giải tỏa công suất TĐ, giảm tải TBA 500 kV Lai Châu, dây phân pha tiết diện lớn
163	Mường Tè - Sìn Hồ	2	x	35	Công suất TĐN khu vực Mường Tè

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
164	Nậm Ou 7 - Lai Châu	2	x	65	Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x97km, trên địa phận Việt Nam 2x65km. Đồng bộ nguồn TĐ từ Lào.
165	Phong Thổ - Than Uyên	2	x	88	Giải tỏa thủy điện nhỏ
166	Sìn Hồ - Rẽ Lai Châu 500 kV - Phong Thổ	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Sìn Hồ, giải tỏa nguồn điện khu vực
167	NLTT Lai Châu 1 - Than Uyên (*)	2	x	10	Xây mới
168	NLTT Lai Châu 2 - Than Uyên (*)	2	x	10	Xây mới
169	Than Uyên 500 kV - Than Uyên	2	x	10	Xây mới, chuyển đầu nối Phong Thổ - Than Uyên
170	Than Uyên 500 kV - Rẽ TĐ Bản Chát - Than Uyên	4	x	5	Xây mới
171	500 kV Sơn La - Điện Biên	2	x	133	Đầu nối TBA 220 kV Điện Biên
172	Điện Biên 1 - Điện Biên (*)	2	x	23	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
173	Điện Biên 1 - Lai Châu (*)	2	x	52	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
174	Nậm Ou 5 - Điện Biên	2	x	22	Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x73km, trên địa phận Việt Nam 2x22km. Đồng bộ nguồn thủy điện từ Lào.
175	Điện Biên 2 - Điện Biên 500 kV (*)	2	x	18	Xây mới
176	Điện Biên 500 kV - Rẽ Điện Biên 1 - Điện Biên (*)	4	x	5	Xây mới
177	Mộc Châu - Rẽ đầu nối TĐ Trung Sơn	2	x	35	Đầu nối TBA 220 kV Mộc Châu
178	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La - Mường La	1	x	21	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
179	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La - Sơn La	1	x	41	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
180	Nâng khả năng tải Huội Quảng - Sơn La	2	x	20	Xây mới
181	Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Phù Yên (cấp điện phụ tải chuyên dùng)
182	Sơn La 1 - Rẽ Sơn La - Suối Sập 2A (*)	2	x	5	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
183	Sông Mã - Sơn La 500 kV (*)	2	x	83	Giải phóng công suất thủy điện nhỏ
184	Sơn La 2 - Sơn La (*)	2	x	35	Xây mới
185	Sơn La 3 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
186	Sơn La 4 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
187	Sơn La 5 - Sơn La 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
188	Sơn La 6 - Rẽ Huội Quảng - Nghĩa Lộ (*)	2	x	20	Xây mới
189	Đầu nối Tân Lạc	6	x	5	Tân Lạc - Rẽ Hòa Bình - Yên Thủy và chuyển đầu nối TĐ Trung Sơn, hình thành các đường dây 220 kV mạch kép Hòa Bình - Tân Lạc, Tân Lạc - Yên Thủy và Tân Lạc - TĐ Trung Sơn - TĐ Hối Xuân
190	Thanh Hóa 500 kV - Sầm Sơn	2	x	36	Đầu nối TBA 220 kV Sầm Sơn
191	500 kV Thanh Hóa - Hậu Lộc	2	x	35	Đầu nối TBA 220 kV Hậu Lộc
192	Đồng Vàng - Rẽ NĐ Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	4	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải
193	Mạch 3 Thanh Hóa - Nghi Sơn - Quỳnh Lưu	1	x	83	Treo dây mạch 2
194	Nâng khả năng tải Nông Cống - 500 kV Thanh Hóa	2	x	26	Cải tạo trong trường hợp giải tỏa NĐ Nghi Sơn 2 qua lưới điện 220 kV.
195	NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu	2	x	10	Chuyển đầu nối Nông Cống - Nghi Sơn và Nghi Sơn - Quỳnh Lưu thành Nông Cống - Quỳnh Lưu. Thay thế đường dây 220 kV NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nghi Sơn - Vinh
196	Nghi Sơn 2 - Rẽ NĐ Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	2	Đầu nối trạm 220kV Nghi Sơn 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
197	Nông Cống - Nghi Sơn - chuyển đầu nối NĐ Nghi Sơn	2	x	42	Giai đoạn 2 của đường NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu, hoàn trả hiện trạng ĐD 220 kV Nông Cống - Quỳnh Lưu
198	TĐ Nam Sum (Lào) - Nông Cống	2	x	129	Tên gọi khác của đường dây 220 kV "Trạm cắt 220 kV Nậm Sum - Nông Cống (phần đường dây trên lãnh thổ Việt Nam)", đã được phê duyệt trong văn bản số 1889/TTg-CN ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng bộ TĐ Nậm Sum Lào
199	Thanh Hóa 1 - Rẽ Nghi Sơn - Nông Cống (*)	4	x	2	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
200	Thanh Hóa 500 kV - Bim Sơn	2	x	36	Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch đường dây 220 kV Ba Chè - Bim Sơn
201	Thiệu Hóa - Thanh Hóa 500 kV	2	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Hóa
202	Đường dây đầu nối TBA 220 kV Lọc hoá dầu Nghi Sơn	2	x	10	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
203	Thiệu Hóa - Thiệu Yên	2	x	25	Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Yên
204	TĐ Hồi Xuân - Rẽ Trung Sơn - Nho Quan	2	x	16	Xây mới
205	TĐ Hồi Xuân - Bá Thước	2	x	30	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thước
206	Tĩnh Gia - Rẽ Nông Cống - Nghị Sơn	2	x	8	Đầu nối TBA 220 kV Tĩnh Gia
207	NLTT Nghệ An 1 - Nam Cẩm (*)	2	x	20	Xây mới
208	NLTT Nghệ An 2 - Quỳnh Hợp (*)	2	x	20	Xây mới
209	ĐG Trường Sơn - Đô Lương (*)	2	x	40	Xây mới
210	Đô Lương - Nam Cẩm	2	x	36	Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An
211	Tương Dương - Đô Lương	2	x	81	Đồng bộ cụm TĐ Nậm Mô (Lào)
212	Quỳnh Lưu 500 kV rẽ Nghi Sơn - Quỳnh Lưu	4	x	10	Đầu nối phía 220 kV Quỳnh Lưu 500 kV
213	Hoàng Mai - Quỳnh Lưu 500 kV	2	x	10	Xây mới
214	Hoàng Mai - rẽ Nghi Sơn - Hưng Đông	2	x	10	Xây mới
215	Hoàng Mai 2 - Rẽ Quỳnh Lưu 500kV - Hoàng Mai	2	x	5	Xây mới
216	Mỹ Lý - Bản Vẽ	2	x	72	Đồng bộ TĐ Mỹ Lý
217	Nâng khả năng tải Hưng Đông - Quỳnh Lưu và Hưng Đông - Nghi Sơn	2	x	100	Cải tạo, nâng khả năng tải 2 mạch đường dây 220 kV Hưng Đông – Nghị Sơn và Hưng Đông – Quỳnh Lưu hoặc xem xét phương án cải tạo Đường dây Hưng Đông – Nghi Sơn từ 1 mạch thành 2 mạch nếu mở rộng được ngăn lộ tại TBA Nghị Sơn và Hưng Đông. Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An
218	Quỳnh Hợp - Quỳnh Lưu 500 kV	2	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Quỳnh Hợp, giải phóng công suất TĐN.
219	TĐ Nậm Mô 1 - Rẽ Mỹ Lý - Bản Vẽ	2	x	18	Đồng bộ TĐ Nậm Mô 1 (Việt Nam)
220	Tương Dương - Quỳnh Hợp	2	x	80	Giải phóng TĐN và tăng cường nhập khẩu điện Lào
221	Vũng Áng 2 - Rẽ Vũng Áng - 500 kV NĐ Vũng Áng	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
222	Vũng Áng - 500 kV NĐ Vũng Áng	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng
223	Can Lộc - Rẽ Hà Tĩnh - Hưng Đông	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Can Lộc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
224	Hà Tĩnh 1 - Rẽ Vũng Áng - Hà Tĩnh (*)	4	x	4	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
225	Nâng khả năng tải Hà Tĩnh - Hưng Đông	2	x	66	Chống quá tải mùa khô. Cải tạo nâng khả năng tải 2 mạch đường dây hiện hữu
226	NLTT Hà Tĩnh 2 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới
227	NLTT Hà Tĩnh 3 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới
228	NLTT Hà Tĩnh 4 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới
229	NLTT Hà Tĩnh 5 - Hà Tĩnh 2 500kV (*)	2	x	20	Xây mới
230	TĐ Bàn Chát MR - Rẽ Bàn Chát - Than Uyên	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
231	TĐ Tuyên Quang MR - TĐ Tuyên Quang	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
232	TĐ Sông Lô 9 - rẽ Tuyên Quang - Phú Bình	2	x	2	Đồng bộ NMTĐ Sông Lô 9
233	TĐ Tuyên Quang - Rẽ Hà Giang - Thái Nguyên và TĐ Bắc Mê - Thái Nguyên	4	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Tuyên Quang MR
234	Ước tính khối lượng đấu nối các nguồn NLTT			800	Xây mới
235	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới			314	Xây mới và cải tạo
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đan Phượng 500 kV - Phúc Thọ	2	x	13	Xây mới
2	Đông Anh 2 - Rẽ Văn Trì - Tây Hồ và Văn Trì - Chèm	4	x	2	Xây mới
3	Đông Anh 3 - Rẽ Văn Trì - Đông Anh 500 kV	4	x	2	Xây mới
4	Sơn Tây 500 kV - Phúc Thọ	2	x	6	Xây mới
5	Thanh Oai - Rẽ Ứng Hòa - Hà Đông	2	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Thanh Oai
6	Thanh Trì - Rẽ Thường Tín - Mai Động	2	x	5	Xây mới, đấu nối 220kV Thanh Trì
7	Văn Trì 500 kV - rẽ Văn Trì - Đông Anh 2	4	x	10	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
8	Vân Trì 500 kV - Vân Trì 2	2	x	10	Xây mới
9	Đầu nối TĐ Thuận Mỹ	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
10	Đình Vũ 2 - BB2	2	x	5	Xây mới
11	BB 2 - Cát Hải (*)	2	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.
12	Hải Phòng 2 500 kV - Hải Phòng 2	2	x	5	Xây mới
13	Gia Lộc 500 kV - Gia Lộc - chuyển đầu nối Gia Lộc - Tân Việt	2	x	10	Xây mới
14	Yên Mỹ - Rẽ Hưng Yên 1 500 kV - Văn Giang (mạch 2)	2	x	2	Xây mới
15	Hà Nam 500 kV - Đồng Văn	4	x	12	Xây mới, đầu nối Hà Nam 500kV
16	Hà Nam 500 kV - Rẽ Thanh Nghị - Lý Nhân	4	x	4	Xây mới, đầu nối Hà Nam 500kV
17	Kim Bảng - Rẽ Đồng Văn - Phủ Lý	4	x	4	Xây mới
18	Nam Định 2 500 kV - Rẽ Ninh Bình - Thái Bình	2	x	5	Xây mới
19	Tiền Hải - Rẽ Thái Bình - Trục Ninh	2	x	2	Xây mới
20	Thiệu Yên - Bá Thước	2	x	65	Xây mới
21	Hà Giang 2 - Hà Giang 500 kV	2	x	10	Xây mới
22	Hà Giang 500 kV - Rẽ Hà Giang - TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên	4	x	10	Xây mới
23	Quảng Uyên - Rẽ Cao Bằng - Lạng Sơn	4	x	5	Xây mới
24	Lào Cai 2 - Rẽ Lào Cai 220 kV - Trung Quốc	2	x	2	Xây mới
25	NLTT Lào Cai 3 - 500 kV Lào Cai (*)	2	x	20	Xây mới
26	Lạng Sơn 2 500 kV - Rẽ Lạng Sơn - Đồng Mô	4	x	10	Xây mới
27	Sơn Dương - Rẽ Tuyên Quang - Đại Từ	2	x	2	Xây mới
28	500 kV Thái Nguyên 2 - Phú Bình 3	2	x	10	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 3

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
29	Phú Lương - Rẽ Thái Nguyên - TĐ Bắc Mê	2	x	2	Xây mới
30	Phúc Xuân - Rẽ Thái Nguyên 500 kV - Thái Nguyên	2	x	5	Xây mới
31	Thái Nguyên 2 500 kV - Phú Bình 2	2	x	15	Xây mới
32	Thái Nguyên 2 500 KV- Sông Công	2	x	8	Xây mới
33	Phú Thọ 3 - Việt Trì 2	2	x	22	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Việt Trì 2
34	Phú Thọ 500 kV - Rẽ Phù Yên - Phú Thọ 2	2	x	20	Xây mới
35	Phú Thọ 500 kV - Việt Trì 2	2	x	20	Xây mới
36	Vĩnh Tường 500 kV - Rẽ Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	4	x	8	Xây mới
37	Vĩnh Tường 500 kV - Vĩnh Tường	2	x	8	Xây mới, chuyển đấu nối thành Vĩnh Tường 500kV - Chấn Hưng
38	Bắc Giang 500 kV - Chũ	2	x	32	Xây mới
39	Chũ - Rẽ Sơn Động - Đồng Mỏ	4	x	2	Xây mới
40	Bắc Ninh 2 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 4 - Bắc Ninh 7	4	x	5	Xây mới
41	Bắc Ninh 3 500 kV - Bắc Ninh 10	2	x	12	Xây mới
42	Bắc Ninh 3 500 kV - Bắc Ninh 9	4	x	2	Xây mới
43	Bắc Ninh 6 - Rẽ Phả Lại - 500 kV Phổ Nối (mạch 2)	2	x	3	Xây mới
44	Cộng Hòa - Văn Đồn	2	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 220kV Văn Đồn
45	NLTT Lai Châu 3 - NLTT Lai Châu 1 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới
46	NLTT Lai Châu 4 - NLTT Lai Châu 1 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới
47	Hòa Bình 1- Yên Thủy (*)	2	x	18	Xây mới
48	Nam Hà Nội 500 kV - Lương Sơn	2	x	18	Xây mới
49	TĐ Trung Sơn MR - TĐ Trung Sơn	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
50	Tĩnh Gia 500 kV - chuyển đấu nối Tĩnh Gia 220 kV	2	x	4	Xây mới
51	Tĩnh Gia 500 kV - Rẽ Nông Cống - Nghi Sơn	4	x	4	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
52	Đầu nối Nam Cẩm 500 kV	4	x	5	Xem xét nối cấp TBA 220kV Nam Cẩm
53	Hưng Nguyên - Rẽ Đô Lương - Nam Cẩm	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 220kV Hưng Nguyên
54	Nam Cẩm 500 kV - Cửa Lò	2	x	11	Xây mới
55	TĐ Bản Vẽ MR - TĐ Bản Vẽ	1	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Bản Vẽ MR
56	Lộc Hà - Rẽ Hà Tĩnh - Can Lộc	4	x	7	Xây mới
57	TĐ Huội Quảng MR - TĐ Huội Quảng	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong văn bản số 15/SCT-QLNL của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang ngày 03/1/2025.
58	TĐ Huội Quảng MR - Rẽ Bản Chát - Than Uyên	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong văn bản số 15/SCT-QLNL của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang ngày 03/1/2025
59	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới			320	Xây mới và cải tạo

**Bảng 7: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Quảng Bình (*)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
2	Lao Bảo (Hương Hóa)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
3	Trạm cắt Quảng Trị 2	Trạm cắt	Xây mới
4	Quảng Trị	1800	Xây mới
5	Đà Nẵng	1800	Cải tạo, nâng công suất
6	Thanh Mỹ	2700	Cải tạo, nâng công suất, đồng bộ với tiến độ phát triển nguồn điện
7	Dung Quất	900	Xây mới, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV đầu nối của TBA 500 kV Dung Quất là TBKHH Dung Quất
8	Bình Định	1800	Xây mới
9	Kon Tum	1800	Xây mới, lắp MBA tại trạm cắt 500 kV Kon Tum trong QHĐ VIII, giải tỏa công suất NLTT
10	Pleiku 2	1800	Cải tạo, nâng công suất
11	Pleiku 3	1800	Cải tạo, nâng công suất
12	Nhơn Hòa	1800	Xây mới
13	Krông Buk	1800	Xây mới
14	Ea Nam (*)	1800	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
15	Kon Rẫy (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
16	NLTT Đắk Lắk 1 (*)	2700	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
17	Tuy Hòa	1800	Xây mới
18	NLTT Phú Yên 1 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
19	Dự phòng công suất TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	1800	Xây mới, cải tạo nâng công suất
20	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Dốc Sỏi	1800	Cải tạo, nâng công suất

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
2	Dung Quất	1800	Cải tạo, nâng công suất, tên gọi trong danh mục các các đường dây 500kV, 220kV đầu nối của TBA 500 kV Dung Quất là TBKHH Dung Quất
3	Pleiku	2700	Cải tạo, nâng công suất
4	ĐMT Ea Súp	1800	Cải tạo, nâng công suất
5	Hương Thủy	1800	Xây mới
6	Hòa Liên	900	Xây mới
7	Mang Yang (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
8	Ia Blứ 500 kV (*)	900	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
9	NLTT Đăk Lăk 1 (*)	3600	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
10	Đăk Nông 2 (*)	1800	Xây mới, cấp điện phụ tải luyện nhôm (theo đề xuất trong Văn bản số 167 UBND-KT ngày 08/01/2025 của UBND tỉnh Đăk Nông) và gom công suất NLTT
11	Diên Khánh	900	Xây mới
12	NLTT Quảng Trị (*)	1800	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
13	Phong Điền	900	Xây mới, xem xét nối cấp TBA 220 kV Phong Điền, giải tỏa công suất NLTT
14	NLTT Đăk Lăk 2 (*)	3600	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
15	Dự phòng công suất TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	3600	Xây mới, cải tạo nâng công suất
16	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

**Bảng 8: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
	Giai đoạn 2025-2030				
1	Quảng Bình - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trị (*)	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Quảng Bình
2	NMND Quảng Trị - Quảng Trị	2	x	17	Xây mới, trong trường hợp ND Quảng Trị được tiếp tục triển khai
3	Quảng Trị - Rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng	4	x	6	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Quảng Trị
4	Trạm cắt Quảng Trị 2 - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	x	5	Xây mới
5	Lao Bảo (Hương Hóa) - Trạm cắt Quảng Trị 2	2	x	31	Xây mới
6	Cụm NMĐ Xebanghieng (Lào) - Lao Bảo (*)	2	x	20	Xây mới, nhập khẩu điện Lào
7	LNG Hải Lăng - NMND Quảng Trị	2	x	6	Xây mới, đồng bộ LNG Hải Lăng GD 1, trường hợp NMND Quảng Trị chậm tiến độ, xây trước ĐD LNG Hải Lăng - Quảng Trị dài khoảng 23km đầu nối LNG Hải Lăng GD 1 và NMND Quảng Trị chuyển tiếp vào ĐD LNG Hải Lăng - Quảng Trị (2 mạch)
8	Đầu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 1 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
9	Đầu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 2 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đầu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
10	Thanh Mỹ - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	x	45	Xây mới
11	Monsoon - Thanh Mỹ	2	x	22	Xây mới, Đã đóng điện T1/2025
12	TBKHH Dung Quất - Dốc Sỏi	2	x	8	Xây mới
13	TBKHH Miền Trung - Dốc Sỏi	2	x	20	Xây mới
14	TBKHH Dung Quất - Bình Định	2	x	207	Xây mới
15	Kon Rẫy - Rẽ Dốc Sỏi - Pleiku 2 (*)	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Kon Rẫy
16	Hatsan - Kon Tum (*)	2	x	100	Xây mới, nhập khẩu điện Lào
17	Kon Tum - Rẽ Thanh Mỹ - Pleiku 2	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Kon Tum
18	TĐ Ialy MR - TĐ Ialy	1	x	2	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
19	Nhon Hòa - Rẽ Pleiku - Đăk Nông	2	x	4	Xây mới
20	NLTT Đăk Lăk 1- Krông Buk (*)	4	x	20	Xây mới
21	Krong Buk - Tây Ninh 1	2	x	314	Xây mới
22	Krông Buk - Rẽ Pleiku 2 - Chơn Thành	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Krông Buk
23	Vân Phong - Bình Định	2	x	238	Xây mới
24	Bình Định - Krông Buk	2	x	216	Xây mới
25	NLTT Phú Yên 1 - Tuy Hòa (*)	2	x	30	Xây mới
26	Tuy Hòa - Rẽ Vân Phong - Bình Định	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Tuy Hòa
27	Ước tính khối lượng đấu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			200	Xây mới, cải tạo
28	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV xây mới và cải tạo			200	Xây mới, cải tạo
Giai đoạn 2031-2035					
1	NLTT Quảng Trị - Trạm cắt Quảng Trị 2 (*)	2	x	31	Xây mới
2	Đấu nối trạm converter HVDC Trung Trung Bộ 1 (*)	6	x	20	Xây mới, phương án đấu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
3	Cải tạo Đà Nẵng - Dốc Sỏi thành 2 mạch	2	x	100	Cải tạo
4	Hương Thủy - Rẽ Quảng Trị - Đà Nẵng	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Hương Thủy
5	Phong Điền - rẽ Hòa Liên - Trạm cắt Quảng Trị 2	4	x	10	Xây mới
6	Hòa Liên - Rẽ Trạm cắt Quảng Trị 2 - Thanh Mỹ	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Hòa Liên
7	Đấu nối thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 3 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đấu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
8	Đấu nối trạm converter HVDC Trung Trung Bộ 2 (*)	4	x	20	Xây mới, phương án đấu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
9	Đấu nối Thủy điện tích năng Trung Trung Bộ 4 (*)	2	x	30	Xây mới, phương án đấu nối chi tiết, chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
10	Mang Yang - Rẽ TBK Dung Quất - Krông Buk (*)	4	x	5	Xây mới
11	NLTT Đắc Lắc 1 - HVDC Trung Trung Bộ 2 (*)	2	x	350	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Nguyên, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025
12	Ia Blư - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk (*)	2	x	4	Xây mới
13	NLTT Đắc Lắc 2- rẽ Krông buk -Chơn Thành (*)	4	x	30	Xây mới
14	Đắc Nông 2 - Rẽ Krông Buk - Tây Ninh (*)	2	x	30	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Đắc Nông 2
15	Cải tạo Đắc Nông - Cầu Bông 1 mạch thành 2 mạch	2	x	180	Xây mới, dự phòng trường hợp phát triển cao NLTT Tây Nguyên, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025
16	Diên Khánh - Rẽ NĐ Vân Phong 1 - Thuận Nam	4	x	5	Xây mới
17	Cải tạo Thạnh Mỹ - Pleiku 2 thành 2 mạch	2	x	199	Xây mới
18	Ước tính khối lượng đấu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			200	Xây mới, cải tạo
19	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV xây mới và cải tạo			200	Xây mới, cải tạo

**Bảng 9: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Đồng Hới	375	Cải tạo, nâng công suất
2	Ba Đồn	500	Cải tạo, nâng công suất
3	Lệ Thủy (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
4	Lao Bảo	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
5	Đông Hà	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Hướng Linh	250	Xây mới
7	Hướng Tân	500	Cải tạo, nâng công suất
8	Đông Nam	250	Xây mới
9	Phong Điền	500	Cải tạo, nâng công suất
10	Chân Mây	250	Xây mới
11	Hương Thủy	250	Xây mới
12	Liên Chiểu	500	Xây mới
13	Sân Bay Đà Nẵng	250	Xây mới
14	Tiên Sa	250	Xây mới
15	Tam Kỳ	500	Cải tạo, nâng công suất
16	Thanh Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất
17	Sông Tranh 2	500	Cải tạo, nâng công suất
18	Duy Xuyên	250	Cải tạo, nâng công suất
19	Tam Hiệp	250	Xây mới
20	Điện Bàn	250	Xây mới
21	Nam Hội An	250	Xây mới
22	TĐ Nước Long	275	Cải tạo, nâng công suất
23	Dung Quất 2	500	Xây mới
24	Quảng Ngãi 2	250	Xây mới
25	Phước An	500	Cải tạo, nâng công suất
26	Phù Mỹ	375	Cải tạo, nâng công suất
27	Nhơn Hội	500	Xây mới
28	Phù Mỹ 2	500	Xây mới, cấp điện cho KCN Phù Mỹ
29	Tuy Hòa	500	Cải tạo, nâng công suất
30	Sông Cầu	250	Xây mới
31	Nam Phú Yên	750	Xây mới, cấp điện cho phụ tải thép
32	Vân Phong	500	Cải tạo, nâng công suất
33	Vạn Ninh	250	Xây mới
34	Cam Thịnh	250	Xây mới
35	Bờ Y	250	Xây mới
36	Pleiku	500	Cải tạo, nâng công suất
37	Chư Sê	500	Cải tạo, nâng công suất
38	An Khê	500	Cải tạo, nâng công suất
39	Pleiku 2 500 kV nối cấp	250	Xây mới

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
40	Krông Pa	250	Xây mới
41	Gia Lai 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
42	Krông Ana	375	Cải tạo, nâng công suất
43	Krông Buk 500 kV nối cấp	500	Xây mới
44	Ea Kar	250	Xây mới
45	Đắk Nông	500	Cải tạo, nâng công suất
46	Đắk Nông 2	500	Xây mới
47	Điện phân nhôm	1184	Xây mới
48	Quảng Bình 1 (*)	500	Xây mới
49	Quảng Bình 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
50	Quảng Trị 1 (*)	250	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
51	Quảng Trị 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
52	NLTT Quảng Ngãi 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
53	Kon Tum 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
54	Kon Tum 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
55	Kon Tum 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
56	Mang Yang (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
57	Gia Lai 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
58	NLTT Ea Hleo (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
59	Ea Hleo	500	Xây mới
60	Đắk Nông 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
61	Hoài Mỹ	500	Xây mới, cấp điện cho KCN Hoài Mỹ
62	Phú Yên 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
63	Quảng Bình 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
64	NLTT Đắk Lắk 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
65	NLTT Đắk Lắk 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
66	NLTT Đắk Lắk 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
67	Đắk Song	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
68	Bình Định 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
69	Phú Yên 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
70	Phú Yên 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
71	Dự phòng công suất TBA 220 kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	1000	Xây mới, cải tạo nâng công suất

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
72	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đồng Hới	500	Cải tạo, nâng công suất
2	Hướng Linh	500	Cải tạo, nâng công suất
3	Đông Nam	500	Cải tạo, nâng công suất
4	Hương Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất
5	Hải Châu	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Sân Bay Đà Nẵng	500	Cải tạo, nâng công suất
7	Duy Xuyên	375	Cải tạo, nâng công suất
8	Tam Hiệp	500	Cải tạo, nâng công suất
9	Dốc Sỏi	375	Cải tạo, nâng công suất
10	Phù Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất
11	Vạn Ninh	500	Cải tạo, nâng công suất
12	Cam Thịnh	500	Cải tạo, nâng công suất
13	Bờ Y	500	Cải tạo, nâng công suất
14	Gia Lai 1 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
15	Krông Ana	500	Cải tạo, nâng công suất
16	Ea Kar	500	Cải tạo, nâng công suất
17	Quảng Trị 1 (*)	500	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
18	Quảng Trị 3 (*)	250	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
19	Quảng Trị 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
20	Mang Yang (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
21	Gia Lai 2 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
22	ĐGNK Trung Trung Bộ	500	Xây mới
23	NLTT Huế 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
24	NLTT Huế 2 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
25	Kon Tum 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
26	Kon Tum 5 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
27	Gia Lai 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
28	Gia Lai 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú
29	NLTT Đăk Lăk 1 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
30	NLTT Đăk Lăk 2 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
31	NLTT Đăk Lăk 3 (*)	750	Cải tạo, nâng công suất, giải tỏa công suất NLTT
32	NLTT Đăk Lăk 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
33	NLTT Đăk Lăk 5 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
34	NLTT Đăk Lăk 6 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
35	NLTT Đăk Lăk 7 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
36	Đăk Nông 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa công suất NLTT
37	Dự phòng công suất TBA 220 kV cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện	2000	Xây mới, cải tạo nâng công suất
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Xây mới, Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, Cải tạo nâng công suất, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

**Bảng 10: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Trung**

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
	Giai đoạn 2025-2030				
1	Ba Đồn - Rẽ Vũng Áng - Đồng Hới	2	x	3	Xây mới, chuyển tiếp mạch 2
2	Lệ Thủy - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà	4	x	2	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Lệ Thủy
3	Điện gió B&T1 - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2	4	x	10	Xây mới
4	Quảng Bình 500 kV - Rẽ Đồng Hới - Đồng Hà	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Quảng Bình
5	Nâng khả năng tải Đồng Hới - Đồng Hà	2	x	108	Cải tạo
6	Quảng Bình 1 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới
7	Quảng Bình 2 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	25	Xây mới
8	Quảng Bình 3 - Quảng Bình 500 kV (*)	2	x	25	Xây mới
9	TBA 500 kV Quảng Trị rẽ Đồng Hà - Huế và Đồng Hà - Phong Điền	6	x	6	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Quảng Trị
10	Quảng Trị 500 kV - Đông Nam	2	x	27	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Đông Nam
11	Đồng Hà - Huế mạch 3	1	x	78	Cải tạo, Đồng Hà - Quảng Trị 500 kV - Huế
12	ĐG TNC Quảng Trị 1 - Hướng Tân	1	x	11	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
13	Hướng Linh - Lao Bảo	1	x	12	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
14	ĐG LIG Hướng Hóa 1 - Hướng Tân	1	x	13	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
15	ĐG LIG Hướng Hóa 2 - LIG Hướng Hóa 1	1	x	8	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
16	ĐG Savan 1 - Lao Bảo	2	x	17	Xây mới, khi TBA 500 kV Lao Bảo vào vận hành, chuyển đấu nối về TBA 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa)
17	500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa) - Rẽ Lao Bảo - Đồng Hà	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa)
18	500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa) - Rẽ ĐG Tài Tâm - Lao Bảo	2	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa)
19	Quảng Trị 1 - Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
20	Quảng Trị 2 - Lao Bảo 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới
21	Chân Mây - Rẽ Hòa Khánh - Huế	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Chân Mây
22	Phong Điền - Rẽ Đông Hà - Huế (mạch 2)	2	x	5	Xây mới
23	Hương Thủy - Rẽ Huế - Hòa Khánh	4	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Hương Thủy
24	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	2	x	82	Cải tạo
25	Nâng khả năng tải Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	2	x	100	Cải tạo
26	Liên Chiểu - Rẽ Hòa Khánh - Huế	4	x	3	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Liên Chiểu
27	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	11	Xây mới
28	Tiên Sa - Rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	3	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Tiên Sa
29	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	2	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Sân bay Đà Nẵng
30	Điện Bàn - Nam Hội An	2	x	24	Xây mới
31	Tam Hiệp - Rẽ Tam Kỳ - Dốc Sỏi	4	x	1	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Tam Hiệp
32	Đà Nẵng 500 kV - Điện Bàn	2	x	12	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Điện Bàn
33	TĐ Nam Emoun - Trạm cắt Đắc Ooc	1	x	51	Xây mới
34	Nâng khả năng tải Đắc Ooc - Thanh Mỹ	2	x	31	Cải tạo, tăng cường nhập khẩu điện Lào
35	Thanh Mỹ - Duy Xuyên	2	x	69	Xây mới, TBA 500 kV Thanh Mỹ - Duy Xuyên
36	Trạm cắt 220 kV Đắc Ooc - TĐ Sông Bung 2	2	x	10	Xây mới, tăng cường nhập khẩu điện Lào
37	Phước An - Rẽ TĐ An Khê - Quy Nhơn (mạch 1)	2	x	2	Cải tạo
38	TBKHH Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	6	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Dung Quất 2
39	Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	3	Xây mới
40	Nâng khả năng tải Dốc Sỏi - Dung Quất	2	x	8	Cải tạo, xem xét phương án xây mới cung đoạn Dốc Sỏi - TBKHH Dung Quất
41	TBKHH Dung Quất - Rẽ Dốc Sỏi - Dung Quất	4	x	3	Xây mới, điều chỉnh quy mô thành 2x3 trong trường hợp xây mới cung đoạn Dốc Sỏi - TBKHH Dung Quất
42	Quảng Ngãi 2 - Rẽ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	4	x	2	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
43	NLTT Quảng Ngãi 1 - rẽ Quảng Ngãi - Phù Mỹ (*)	4	x	2	Xây mới
44	Nâng khả năng tải Sơn Hà - Dốc Sỏi	2	x	46	Cải tạo
45	Nâng khả năng tải Quảng Ngãi - Dốc Sỏi	2	x	60	Cải tạo
46	Thay dây phân pha mạch 1 đường dây Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	1	x	140	Cải tạo
47	Trạm cắt 220 kV Bờ Y - Bờ Y	2	x	30	Xây mới
48	Bờ Y - Kon Tum	2	x	51	Xây mới
49	TĐ Đắk Mi 1 - TĐ Đắk My 2	1	x	15	Xây mới
50	TĐ Đắk Lô 3 - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	4	x	1	Xây mới
51	Kon Rẫy 500 kV - Rẽ Thượng Kon Tum - Kon Tum	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Kon Rẫy
52	Thượng Kon Tum - Kon Tum	2	x	82	Xây mới
53	Nâng khả năng tải Kon Tum - Pleiku	2	x	36	Cải tạo
54	Kon Tum 500 kV - rẽ Bờ Y - Kon Tum (*)	4	x	5	Xây mới
55	Kon Tum 1 - Kon Tum 500 kV (*)	2	x	26	Xây mới
56	Kon Tum 2 - Kon Rẫy 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới
57	Kon Tum 3 - 500 kV Kon Rẫy (*)	2	x	30	Xây mới
58	Sơn Hà - Thượng Kon Tum	2	x	35	Xây mới
59	Nâng khả năng tải Pleiku - ĐSK An Khê - TĐ An Khê	1	x	98	Cải tạo
60	Chư Sê - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk (mạch 2)	2	x	2	Xây mới
61	Pleiku 2 - Krông Buk Mạch 2	1	x	120	Cải tạo
62	Krông Pa - Chư Sê	2	x	63	Xây mới
63	ĐG Ia Le 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 (mạch 2)	2	x	6	Xây mới
64	ĐG Ia Boòng - Chư Prông - ĐG Nhơn Hòa 1	1	x	8	Xây mới
65	Mang Yang - Rẽ TĐ An Khê - Pleiku (*)	2	x	5	Xây mới
66	Gia Lai 1 - Pleiku 3 (*)	2	x	20	Xây mới
67	Gia Lai 2 - Nhơn Hòa (*)	2	x	20	Xây mới
68	Krông Buk 500 kV - Krong Buk	2	x	27	Xây mới
69	Krông Buk - Nha Trang Mạch 2	1	x	150	Cải tạo

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
70	Ea Kar - Rẽ Krông Buk - Nha Trang	4	x	2	Xây mới
71	Nâng khả năng tải TĐ Srepok 3 - Buôn Kuop	1	x	34	Cải tạo
72	NLTT Ea Hleo - 500 kV Ea Nam (*)	1	x	12	Xây mới
73	Ea Hleo - Rẽ Krong Buk - Chư Sê	4	x	5	Xây mới
74	TĐ Sông Ba Hạ - Krong Buk 500 kV	2	x	115	Xây mới
75	ĐG Krông Buk - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 mạch 2	2	x	1	Xây mới
76	NLTT Đăk Lăk 1 - NLTT Đăk Lăk 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
77	NLTT Đăk Lăk 2 - NLTT Đăk Lăk 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
78	NLTT Đăk Lăk 3 - NLTT Đăk Lăk 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
79	Nâng khả năng tải Buôn Kuop - Buôn Tua Shra - Đăk Nông 500 kV	1	x	112	Cải tạo
80	Đăk Nông 2 - Rẽ Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah	2	x	10	Xây mới
81	Đăk Nông 3 - Đăk Nông 500 kV	1	x	12	Xây mới
82	Đăk Song - rẽ Đăk Nông - Buôn Kuop	2	x	4	Xây mới
83	Nâng khả năng tải Pleiku 2 - Phước An	1	x	98	Xây mới
84	Phước An - Nhơn Hội	2	x	22	Xây mới
85	Bình Định 500 kV - Rẽ Phước An - Phù Mỹ	4	x	5	Xây mới
86	Bình Định 500 kV - Rẽ An Khê - Quy Nhơn và Pleiku 2 - Phước An	4	x	35	Xây mới
87	Phù Mỹ 2 - Phù Mỹ	2	x	20	Xây mới
88	Phù Mỹ - Rẽ Phước An - Quảng Ngãi (mạch 2)	2	x	2	Cải tạo
89	Hoài Mỹ - rẽ Phù Mỹ - Quảng Ngãi	4	x	5	Xây mới
90	Bình Định 1 - Bình Định 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
91	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Vân Phong - Nha Trang	2	x	118	Cải tạo
92	Tuy Hòa - Phước An	2	x	93	Xây mới
93	HBRE An Thọ - Tuy Hòa	1	x	16	Xây mới

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
94	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Quy Nhơn	1	x	90	Cải tạo
95	Đầu nối TBA 220 kV Sông Cầu	4	x	5	Xây mới, GD1: Đầu nối chuyển tiếp trên DD 220 kV Tuy Hòa - Quy Nhơn hiện hữu. GD2: Chuyển về đầu nối chuyển tiếp trên 02 mạch DD 220 kV Tuy Hòa - Phước An sau khi đường dây này vào vận hành
96	Nam Phú Yên - Rẽ Nha Trang - Tuy Hòa	4	x	4	Xây mới, Cấp điện phụ tải thép
97	Phú Yên 1- Tuy Hòa 500kV (*)	2	x	21	Xây mới
98	Tuy Hòa 500 kV - Rẽ Tuy Hòa - Phước An	4	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tuy Hòa
99	Phú Yên 2 - NLTT Phú Yên 1 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới
100	Phú Yên 3 - NLTT Phú Yên 1 500 kV (*)	2	x	21	Xây mới
101	Vạn Ninh - Rẽ Vân Phong - Tuy Hòa	4	x	2	Xây mới
102	500 kV Vân Phong - Rẽ Tuy Hòa - Vân Phong 220 kV (mạch 2)	2	x	26	Xây mới
103	Cam Thịnh - Rẽ Cam Ranh - Tháp Chàm	4	x	3	Xây mới
104	Vân Phong 500 kV - Vân Phong 220 kV	2	x	20	Xây mới
105	TĐ Sê San 3 MR - rẽ Sê San 3A – Sê San 3	2	x	2	Xây mới, đầu nối TĐ Sê San 3 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
106	TĐ Sê San 4 MR - rẽ Pleiku - Sê San 4	2	x	1	Xây mới, đầu nối TĐ Sê San 4 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
107	TĐ Srêpók 3 MR - rẽ TĐ Srêpók 3 - Buôn Kuốp	2	x	1	Xây mới, đầu nối TĐ Srêpók 3 MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
108	TĐ Buôn Kuốp MR - rẽ Buôn Kuốp - Krông Ana	2	x	1	Xây mới, đấu nối TĐ Buôn Kuốp MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
109	ĐG Đắc ND'rung 1,2,3 – Đắc Nông 500 kV	2	x	18	Công trình đã có trong Quyết định số 500/QĐ-TTg, ngày 15/3/2023. Xây mới, đồng bộ ĐG Đắc ND'rung 1,2,3 trong trường hợp các nhà máy điện này đủ điều kiện triển khai
110	Ước tính khối lượng đấu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			500	Xây mới, cải tạo
111	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV xây mới và cải tạo			500	Xây mới, cải tạo
Giai đoạn 2031-2035					
1	TBKHH Quảng Trị - Rẽ Đông Nam - 500 kV Quảng Trị	2	x	5	Xây mới
2	Quảng Trị 3 - NLTT Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	16	Xây mới
3	Quảng Trị 4 - NLTT Quảng Trị 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
4	Hương Thủy - Huế - chuyển đấu nối Phong Điền	2	x	19	Xây mới
5	Phong Điền 500 kV - rẽ Phong Điền - Huế	4	x	2	Xây mới
6	NLTT Huế 1 - Phong Điền 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
7	NLTT Huế 2 - Phong Điền 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
8	Đà Nẵng 500 kV - rẽ Ngũ Hành Sơn - Duy Xuyên	2	x	8	Xây mới
9	Hòa Khánh - Rẽ Hải Châu - Đà Nẵng	2	x	1	Xây mới
10	500 kV Hòa Liên - Hòa Khánh - chuyển đấu nối Liên Chiểu	2	x	6	Xây mới
11	500 kV Hòa Liên - Rẽ Hòa Khánh - Hải Châu	4	x	6	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Hòa Liên
12	TĐ Sông Tranh 2 MR - TĐ Sông Tranh 2	1	x	1	Xây mới
13	Cải tạo nâng khả năng tải Duy Xuyên - Đà Nẵng	1	x	30	Cải tạo
14	Cải tạo nâng khả năng tải Duy Xuyên - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng	1	x	50	Cải tạo

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
15	Cải tạo nâng khả năng tải Thanh Mỹ 500 kV – Thanh Mỹ	2	x	20	Cải tạo
16	Kon Tum 4 - Kon Tum 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới
17	Kon Tum 5 - Kon Rẫy 500 kV (*)	2	x	30	Xây mới
18	Mang Yang 500 kV - rẽ An Khê - Pleiku 2 (*)	2	x	10	Xây mới
19	Mang Yang 500 kV - rẽ TĐ An Khê - Pleiku (*)	2	x	10	Xây mới
20	Ia Blứ 500 kV - rẽ Chư Sê - Krông Buk (*)	4	x	20	Xây mới
21	Gia Lai 3 - Mang Yang 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
22	Gia Lai 4 - Mang Yang 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
23	NLTT Đắc Lắc 4 - ĐMT Easup (*)	2	x	20	Xây mới
24	NLTT Đắc Lắc 5 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
25	NLTT Đắc Lắc 6 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
26	NLTT Đắc Lắc 7 - NLTT Đắc Lắc 2 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới
27	Đắc Nông 4 - Đắc Nông 2 500 kV (*)	2	x	12	Xây mới
28	Diên Khánh - Rẽ Nha Trang - Cam Ranh	4	x	7	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Diên Khánh
29	Đầu nối TĐ Sông Tranh MR	2	x	5	Xây mới, đầu nối TĐ Sông Tranh MR theo đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
30	TĐ Sê San 3A MR - rẽ TĐ Sê San 3 - TĐ Sê San 3A	2	x	2	Xây mới, đầu nối TĐ Sê San 3A MR theo đề xuất trong Văn bản số 11 /BC-UBND của UBND tỉnh Kon Tum ngày 13/01/2025. Phương án đầu nối cụ thể sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án
31	Ước tính khối lượng đầu nối và giải tỏa công suất các nguồn NLTT			500	Xây mới, cải tạo
32	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV xây mới và cải tạo			500	Xây mới, cải tạo

**Bảng 11: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Di Linh	1800	Cải tạo, nâng công suất
2	Thuận Nam	2700	Cải tạo, nâng công suất
3	Ninh Sơn	2700	Xây mới, thiết kế sơ đồ vận hành linh hoạt
4	Sơn Mỹ	900	Xây mới
5	Hồng Phong (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
6	NTB 1 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ
7	Cầu Bông	2700	Cải tạo, nâng công suất
8	Củ Chi	1800	Xây mới
9	Chơn Thành	1800	Cải tạo, nâng công suất
10	Tây Ninh 1	1800	Xây mới
11	Tây Ninh 2	900	Xây mới
12	Tân Định	2700	Cải tạo, nâng công suất
13	Tân Uyên	2700	Cải tạo, nâng công suất
14	Bình Dương 1	1800	Xây mới
15	Bình Dương 2	Trạm cắt	Xây mới, dự phòng đầu nối đường dây truyền tải liên vùng Nam Trung Bộ - Nam Bộ
16	Sông Mỹ	2700	Cải tạo, nâng công suất
17	Long Thành	1800	Cải tạo, nâng công suất
18	Đồng Nai 2	1800	Xây mới
19	Phú Mỹ	900	Cải tạo, nâng công suất
20	Bắc Châu Đức	1800	Xây mới
21	Đức Hòa	1800	Cải tạo, nâng công suất
22	Long An	1800	Xây mới
23	Bến Tre (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT
24	Thốt Nốt	1800	Xây mới
25	Duyên Hải	1350	Cải tạo, nâng công suất
26	Trà Vinh 1 (*)	1800	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT tỉnh Trà Vinh, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025
27	Long Phú	1800	Cải tạo, nâng công suất
28	Sóc Trăng (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
29	Bạc Liêu (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
30	Cà Mau (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
31	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3600	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất
32	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Lâm Đồng	1800	Xây mới, đồng bộ phụ tải luyện nhôm (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng)
2	500 kV Ninh Thuận 1 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
3	500 kV Ninh Thuận 2 (*)	1800	Xây mới, giải tỏa NLTT
4	Hồng Phong (*)	2700	Cải tạo, nâng công suất
5	NTB 2 (*)	1800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ
6	NTB 3 (*)	1800	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ
7	Cù Chi	2700	Cải tạo, nâng công suất
8	Đa Phước	2700	Xây mới, thiết kế sơ đồ vận hành linh hoạt
9	TP Thủ Đức	1800	Xây mới
10	Chơn Thành	2700	Cải tạo, nâng công suất
11	Lộc Ninh (*)	2700	Xây mới, giải tỏa NLTT
12	Tây Ninh 2	1800	Cải tạo, nâng công suất
13	Tây Ninh 3 (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT
14	Bình Dương 1	2700	Cải tạo, nâng công suất
15	Bình Dương 2	2700	Lắp MBA tại Trạm cắt 500 kV Bình Dương 2
16	Long Thành	2700	Cải tạo, nâng công suất
17	Đồng Nai 4 (*)	2700	Xây mới, giải tỏa NLTT
18	Long Điền	1800	Xây mới
19	Long An 2	900	Xây mới
20	Đồng Tháp	1800	Xây mới
21	An Giang	1800	Xây mới
22	Tiền Giang	1800	Xây mới
23	Bến Tre (*)	1800	Cải tạo, nâng công suất
24	Thốt Nốt	2700	Cải tạo, nâng công suất
25	Duyên Hải	1800	Cải tạo, nâng công suất
26	Trà Vinh 2 (*)	900	Xây mới, giải tỏa NLTT
27	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3600	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất
28	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

**Bảng 12: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Ninh Sơn - Rẽ NMNĐ Vân Phong I - Thuận Nam	4	x	18	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
2	Ninh Sơn - Chơn Thành	2	x	275	Xây mới, giải tỏa công suất nguồn điện. Thay thế ĐD 500 kV Thuận Nam - Chơn Thành đã được phê duyệt tại Văn bản số 1891/TTg-CN ngày 27/12/2018 để thuận lợi trong đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành.
3	TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn	2	x	25	Xây mới, đồng bộ TĐTN Bắc Ái, thay cho ĐD 500 kV TĐTN Bắc Ái - Rẽ Vân Phong - Thuận Nam
4	TĐTN Phước Hòa - Ninh Sơn	2	x	25	Xây mới, đồng bộ TĐTN Phước Hòa
5	Hồng Phong - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mỹ	4	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
6	Sơn Mỹ - Bắc Châu Đức	2	x	80	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Sơn Mỹ II
7	NMNĐ Vĩnh Tân III - Vĩnh Tân	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMNĐ Vĩnh Tân III
8	LNG Cà Ná - Thuận Nam	2	x	30	Xây mới, đồng bộ LNG Cà Ná
9	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 (giải tỏa công suất về Nam Bộ)	2	x	300	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Xem xét đầu nối về TBA 500kV Bình Dương 1. Trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Nam Trung Bộ, xem xét phát triển lưới truyền tải cấp điện áp 765÷1000 kV
10	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 1	4	x	15	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Xem xét đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 500kV Thuận Nam - Vĩnh Tân
11	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 2	2	x	60	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 2. Xem xét đầu nối về TBA 500kV Ninh Sơn
12	Đầu nối Điện hạt nhân Ninh Thuận 2 (giải tỏa công suất về Nam Bộ)	2	x	325	Xây mới, đồng bộ NM Điện hạt nhân Ninh Thuận 2. Xem xét đầu nối về Trạm 500kV Bình Dương 2. Trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Nam Trung Bộ, xem xét phát triển lưới truyền tải cấp điện áp 765÷1000 kV
13	NTB 1 - Hồng Phong (*)	2	x	20	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
14	Tây Ninh 1 - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	4	x	2	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1
15	Tây Ninh 2 - Rẽ Chơn Thành - Tây Ninh 1	2	x	30	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 2
16	Bắc Châu Đức - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mỹ và Phú Mỹ - Long Thành	4	x	11	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Bắc Châu Đức

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
17	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mây	1	x	58	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
18	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Long Thành - Sông Mây	1	x	92	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
19	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè và Phú Mỹ - NMTĐ Nhơn Trạch 4 - Nhà Bè	2	x	43	Cải tạo, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
20	Củ Chi - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	2	x	16	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Củ Chi
21	Bình Dương 1 - Rẽ Sông Mây - Tân Định	2	x	35	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
22	Bình Dương 1 - Chơn Thành	2	x	17	Xây mới, tạo mạch vòng nâng cao độ tin cậy cấp điện khu vực
23	Bình Dương 2 - Rẽ Tây Ninh 1 - Chơn Thành	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm cắt 500 kV Bình Dương 2
24	Đồng Nai 2 - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây	4	x	5	Xây mới, chuyển tiếp trên mạch 3,4 ĐD 500 kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên
25	NMTĐ Nhơn Trạch 4 - Rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	2	x	4	Xây mới, đồng bộ NMTĐ Nhơn Trạch 4
26	Long Thành - Rẽ Bắc Châu Đức - Sông Mây	2	x	17	Xây mới, tăng cường truyền tải nguồn điện khu vực. Kiến nghị lựa chọn tiết diện phù hợp với ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mây sau cải tạo nâng khả năng tải
27	Đức Hòa - Chơn Thành	2	x	104	Xây mới, chuyển đấu nối Mỹ Tho - Chơn Thành
28	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Cầu Bông (mạch 2)	2	x	13	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 500 kV Phú Lâm - Cầu Bông
29	Long An - Rẽ Nhà Bè - Mỹ Tho	2	x	1	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long An
30	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Đức Hòa - Cầu Bông	2	x	24	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa công suất LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ
31	500 kV Trà Vinh 1 - Sông Hậu (*)	2	x	65	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT tỉnh Trà Vinh, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025
32	500 kV Bến Tre - Long An (*)	2	x	55	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Bến Tre, chuyển đấu nối về TBA 500 kV Đa Phước trong giai đoạn 2031-2035
33	Ô Môn - Thốt Nốt	2	x	35	Xây mới, tăng cường lưới truyền tải khu vực Tây Nam Bộ; giải tỏa công suất TTĐL Ô Môn
34	NMND Sông Hậu II - Sông Hậu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMND Sông Hậu II
35	Thốt Nốt - Đức Hòa	2	x	135	Xây mới, giải tỏa công suất LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ, xem xét chuyển đấu nối đi Cầu Bông để hạn chế dòng ngắn mạch
36	LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	130	Xây mới, đồng bộ LNG Bạc Liêu
37	500 kV Bạc Liêu - Rẽ LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt (*)	2	x	20	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
38	500 kV Cà Mau - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	67	Xây mới, giải tỏa NLTT

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
39	500 kV Sóc Trăng - Long Phú (*)	2	x	40	Xây mới, giải tỏa NLTT
40	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			450	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	500 kV Ninh Thuận 1 - Rẽ Vân Phong - Ninh Sơn (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
2	500 kV Ninh Thuận 2 - Rẽ Thuận Nam - Ninh Sơn (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Xem xét chuyển đầu nối về Trạm Converter HVDC Nam Trung Bộ khi xuất hiện hệ thống truyền tải HVDC Nam Trung Bộ - Bắc Bộ
3	Đầu nối trạm Converter HVDC Nam Trung Bộ			160	Xây mới, đầu nối trạm converter HVDC Nam Trung Bộ, xem xét đầu nối về ĐHN Ninh Thuận 1 và ĐHN Ninh Thuận 2
4	TĐTN Đơn Dương - Rẽ Điện hạt nhân Ninh Thuận 2 - Bình Dương 2	4	x	20	Xây mới, đồng bộ TĐTN Đơn Dương
5	Hồng Phong - Long Thành (*)	2	x	130	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
6	NTB 2 - Rẽ Hồng Phong - Long Thành (*)	4	x	25	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
7	NTB 3 - Đồng Nai 2 (*)	2	x	80	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Trung Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
8	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 vào lưới 500 kV khu vực			200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ
9	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 vào lưới 500 kV khu vực			200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ
10	500 kV Lâm Đồng - Rẽ Ninh Sơn - Chơn Thành	4	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Lâm Đồng
11	500 kV Tây Ninh 3 - 500 kV Tây Ninh 2 (*)	2	x	20	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
12	Lộc Ninh - Chơn Thành (*)	2	x	60	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
13	Long Điền - Rẽ LNG Long Sơn - Bắc Châu Đức	2	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điền
14	LNG Long Sơn - Bắc Châu Đức	2	x	36	Xây mới, đồng bộ LNG Long Sơn, phụ thuộc tiến độ nguồn điện
15	500 kV Đồng Nai 4 - Rẽ Sông Mỹ - Tân Định (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa NLTT
16	Đa Phước - Rẽ Phú Lâm - Nhà Bè	2	x	8	Xây mới, đầu nối trạm 500 kV Đa Phước
17	Đa Phước - Long An	2	x	10	Xây mới, chuyển đầu nối về TBA 500 kV Bến Tre

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
18	TP Thủ Đức - Long Thành	2	x	25	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV TP Thủ Đức
19	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Bộ 1 vào lưới 500 kV khu vực	4	x	200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ
20	Đầu nối Trạm 765÷1000 kV Nam Bộ 2 vào lưới 500 kV khu vực	4	x	200	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ
21	Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho	4	x	5	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Tiền Giang
22	LNG Long An II – Long An	2	x	15	Xây mới, đồng bộ LNG Long An II
23	Long An 2 - Rẽ Sông Hậu - Đức Hòa	2	x	13	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Long An 2
24	500 kV Trà Vinh 2 - Duyên Hải	4	x	1	Xây mới, giải tỏa NLTT
25	500 kV Trà Vinh 2 - Bến Tre	2	x	60	Xây mới, giải tỏa NLTT
26	Đồng Tháp - Tây Ninh 1	2	x	112	Xây mới
27	An Giang - Đồng Tháp	2	x	65	Xây mới
28	500 kV Bạc Liêu - An Giang (*)	2	x	115	Xây mới
29	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			500	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

**Bảng 13: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030		
1	Bảo Lộc	500	Cải tạo, nâng công suất
2	Đức Trọng	500	Cải tạo, nâng công suất
3	Tà Năng (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT
4	Bảo Lâm	250	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng)
5	Đạ Huoai	250	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng (theo đề nghị tại Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng)
6	TĐ Đa Nhim	375	Cải tạo, nâng công suất
7	Phước Thái	750	Cải tạo, nâng công suất
8	Trạm cắt Đa Nhim	Trạm cắt	Xây mới
9	Cà Ná	500	Xây mới
10	Đồng Quán Thê	480	Xây mới, đồng bộ phụ tải chuyên dùng
11	TĐ Hàm Thuận	125	Cải tạo, nâng công suất
12	TĐ Đại Ninh	250	Cải tạo, nâng công suất
13	Hàm Thuận Nam	500	Xây mới
14	Vĩnh Hào	500	Cải tạo, nâng công suất
15	Hòa Thắng (*)	500	Xây mới
16	Hồng Phong 500 kV nối cấp	500	Xây mới
17	Phong điện 1 Bình Thuận (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT
18	Tân Sơn Nhất	500	Xây mới
19	Đầm Sen	500	Xây mới
20	Thủ Thiêm	500	Xây mới
21	Bình Chánh 1	500	Xây mới
22	Bà Quẹo (Vĩnh Lộc)	500	Xây mới
23	Quận 7	500	Xây mới
24	Nam Hiệp Phước	500	Xây mới
25	Quận 9	500	Xây mới
26	Tây Bắc Củ Chi	250	Xây mới
27	Phú Hòa Đông	250	Xây mới
28	Cần Giờ	500	Xây mới
29	Phước Long	500	Cải tạo, nâng công suất
30	Đồng Bình Phước (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
31	Alumin Bình Phước	500	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin Bình Phước (theo đề nghị tại Văn bản số 1058/UBND-TH ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)
32	Đồng Xoài	250	Xây mới
33	Tân Biên	500	Cải tạo, nâng công suất
34	Phước Đông	500	Xây mới
35	Tây Ninh 3	250	Xây mới

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
36	Tân Định	750	Cải tạo, nâng công suất
37	Bến Cát 2	500	Xây mới
38	Tân Định 2	500	Xây mới
39	An Thạnh (VSIP)	500	Xây mới
40	Bình Mỹ	500	Xây mới
41	Bắc Tân Uyên	500	Xây mới
42	Lai Uyên	500	Xây mới
43	Phú Giáo	500	Xây mới
44	TĐ Trị An	500	Cải tạo, nâng công suất
45	Tam Phước	500	Cải tạo, nâng công suất
46	Thống Nhất	500	Xây mới
47	KCN Nhơn Trạch	500	Xây mới
48	Long Khánh	500	Cải tạo, nâng công suất
49	Hố Nai	500	Xây mới
50	Dầu Giây	500	Xây mới
51	Biên Hòa	500	Xây mới
52	Đồng Nai 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
53	Đồng Nai 4 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
54	Bà Rịa	250	Cải tạo, nâng công suất
55	KCN Phú Mỹ 3	500	Xây mới
56	Phước Thuận (Đất Đỏ)	500	Xây mới
57	Long Sơn	250	Xây mới
58	Cần Đước	500	Cải tạo, nâng công suất
59	Đức Hòa 2	500	Xây mới
60	Đức Hòa 500 kV nối cấp	500	Xây mới
61	Bến Lức 2 (Đức Hòa 3)	500	Xây mới, thay thế TBA 220 kV Đức Hòa 3 trong Quy hoạch điện VIII (theo đề nghị của EVNNPT tại Văn bản số 781/EVNNPT-KH+ĐT ngày 21/02/2025).
62	Tân Lập	250	Xây mới
63	Kiến Tường	250	Xây mới
64	Lấp Vò	250	Xây mới
65	Hồng Ngự	250	Xây mới
66	Long Xuyên	500	Cải tạo, nâng công suất
67	Chợ Mới	250	Xây mới
68	Châu Thành (An Giang)	250	Xây mới
69	Cai Lậy	500	Cải tạo, nâng công suất
70	Mỹ Tho	500	Cải tạo, nâng công suất
71	Tân Phước (Cái Bè)	500	Xây mới
72	Gò Công	500	Xây mới
73	Vĩnh Long 3	250	Xây mới
74	Mỏ Cày	500	Cải tạo, nâng công suất
75	Bình Đại (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
76	Thạnh Phú (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
77	An Biên (Vĩnh Thuận)	500	Xây mới
78	Phú Quốc	500	Xây mới
79	Trà Nóc	500	Cải tạo, nâng công suất
80	Ô Môn	500	Cải tạo, nâng công suất

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
81	Châu Thành (Hậu Giang)	500	Cải tạo, nâng công suất
82	Trà Vinh	500	Cải tạo, nâng công suất
83	Trà Vinh 3	450	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
84	Trần Đề (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
85	Bạc Liêu	375	Cải tạo, nâng công suất
86	Giá Rai	250	Cải tạo, nâng công suất
87	Hòa Bình (*)	500	Xây mới
88	Bạc Liêu 3 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
89	Cà Mau 3	450	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
90	Năm Căn	500	Xây mới
91	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3500	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất
92	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch bao gồm nhưng không giới hạn tại các thanh cái TBA 500 kV Vĩnh Tân, Bắc Châu Đức, TBA Bà Quẹo (kháng đường dây 220kV Bà Quẹo - Đầm Sen)		Hạn chế dòng ngắn mạch
93	Cải tạo sơ đồ thanh cái linh hoạt, phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn tại các TBA 500 kV Đức Hòa, Ô Môn, TBA Ninh Phước, Long Thành, Cù Chi		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
94	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...
II	Giai đoạn 2031-2035		
1	Đà Lạt	250	Xây mới
2	220 kV Ninh Thuận 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
3	220 kV Ninh Thuận 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
4	220 kV Ninh Thuận 3 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
5	Phong điện 1 Bình Thuận (*)	500	Cải tạo, nâng công suất
6	Hồng Liêm (*)	250	Xây mới, giải tỏa NLTT
7	Tây Bắc Cù Chi	500	Cải tạo, nâng công suất
8	Phú Hòa Đông	500	Cải tạo, nâng công suất
9	Bình Chánh 2	500	Xây mới

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
10	Hóc Môn 2	500	Xây mới
11	TP Thủ Đức 500 kV nối cấp	750	Xây mới
12	Đa Phước 500 kV nối cấp	750	Xây mới
13	Đồng Bình Phước (*)	750	Cải tạo, nâng công suất
14	Đồng Xoài	500	Cải tạo, nâng công suất
15	Hớn Quản	250	Xây mới
16	220 kV Bình Phước 1 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
17	220 kV Bình Phước 2 (*)	750	Xây mới, giải tỏa NLTT
18	Tây Ninh	750	Cải tạo, nâng công suất
19	Tây Ninh 2	750	Cải tạo, nâng công suất
20	Bến Cầu	500	Xây mới
21	Tây Ninh 3	500	Cải tạo, nâng công suất
22	Tân Châu 1 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
23	Mỹ Phước	750	Cải tạo, nâng công suất
24	Uyên Hưng	750	Cải tạo, nâng công suất
25	Bến Cát	750	Cải tạo, nâng công suất
26	Tân Uyên	750	Cải tạo, nâng công suất
27	Bến Cát 2	750	Cải tạo, nâng công suất
28	Tân Định 2	750	Cải tạo, nâng công suất
29	An Thạnh (VSIP)	750	Cải tạo, nâng công suất
30	Bình Mỹ	750	Cải tạo, nâng công suất
31	Bến Cát 3	750	Xây mới
32	Bàu Bàng	750	Xây mới
33	Bình Dương 2 500 kV nối cấp	750	Xây mới
34	Long Thành	750	Cải tạo, nâng công suất
35	An Phước	750	Cải tạo, nâng công suất
36	Tam Phước	750	Cải tạo, nâng công suất
37	KCN Nhơn Trạch	750	Cải tạo, nâng công suất
38	Biên Hòa	750	Cải tạo, nâng công suất
39	Đồng Nai 3 (*)	1000	Cải tạo, nâng công suất
40	Đồng Nai 4 (*)	1000	Cải tạo, nâng công suất
41	Long Thành 500 kV nối cấp	750	Xây mới
42	KCN Long Thành 2	750	Xây mới
43	Đồng Nai 2 500 kV nối cấp	750	Xây mới
44	Long Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất
45	TP Phú Mỹ	500	Xây mới
46	Vũng Tàu 2	500	Xây mới
47	Đức Hòa 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất
48	Tân Lập	500	Cải tạo, nâng công suất
49	Cần Giuộc	500	Xây mới
50	Kiến Tường	500	Cải tạo, nâng công suất
51	Long An 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới
52	Lấp Vò	500	Cải tạo, nâng công suất
53	Hồng Ngự	500	Cải tạo, nâng công suất
54	Đồng Tháp 500 kV nối cấp	250	Xây mới
55	Chợ Mới	500	Cải tạo, nâng công suất

STT	Công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú
56	Châu Thành (An Giang)	500	Cải tạo, nâng công suất
57	An Giang 500 kV nối cấp	250	Xây mới
58	Tân Phước (Cái Bè)	750	Cải tạo, nâng công suất
59	Tiền Giang 500 kV nối cấp	500	Xây mới
60	Vĩnh Long 3	500	Cải tạo, nâng công suất
61	Ba Tri	500	Xây mới
62	Vĩnh Quang	250	Xây mới
63	Thốt Nốt	500	Cải tạo, nâng công suất
64	Vị Thanh	250	Xây mới
65	Duyên Hải	500	Cải tạo, nâng công suất
66	Bạc Liêu	500	Cải tạo, nâng công suất
67	Giá Rai	500	Cải tạo, nâng công suất
68	Bạc Liêu 4 (*)	500	Xây mới, giải tỏa NLTT
69	Cà Mau 4	250	Xây mới, giải tỏa NLTT
70	Công suất dự phòng TBA cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn miền Nam	3500	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất
71	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...

**Bảng 14: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Nam**

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Mạch 2 Bảo Lộc - Sông Mây	2	x	118	Cải tạo mạch 1, xây dựng mạch 2, nâng cao độ tin cậy
2	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Rẽ Tháp Chàm - Đa Nhim	2	x	1	Xây mới, đồng bộ trạm cắt 220 kV Đa Nhim
3	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh	2	x	96	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực. Thay thế cho công trình cải tạo ĐD 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh từ 01 mạch lên 02 mạch do khó khăn cắt điện thi công ĐD hiện hữu và không mở rộng được TBA 220 kV TĐ Đa Nhim
4	TĐ Đồng Nai 2 - Rẽ Đức Trọng - Di Linh và chuyển đầu nối (Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 thay cho Đức Trọng - Di Linh), cải tạo nâng khả năng tải ĐD 220 kV TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh	1	x	15	Xây mới và cải tạo, hình thành ĐD 220 kV mạch đơn Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh thay cho ĐD 220 kV mạch kép TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh
5	Đức Trọng - Rẽ trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Di Linh	2	x	1	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
6	Bảo Lâm - Bảo Lộc	2	x	25	Xây mới, đồng bộ với tiến độ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng
7	Đạ Huoai - Rẽ Bảo Lộc - Định Quán	2	x	2	Xây mới, đồng bộ với tiến độ nhà máy Alumin tại Lâm Đồng
8	ĐG Đức Trọng - Rẽ Đa Nhim - Đức Trọng (*)	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMĐG Đức Trọng. Vị trí và phương án đầu nối điều chỉnh của NMĐG Đức Trọng được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4777/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số 6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số 835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Vận hành đồng bộ với ĐD 220 kV trạm cắt Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh.
9	Tà Năng - rẽ Đức Trọng - Di Linh (*)	2	x	20	Xây mới, đầu nối TBA 220 kV Tà Năng trên ĐZ 220 kV Đức Trọng - Di Linh (mạch xây mới). Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
10	Đầu nối TĐ Đa R'Sal (**)	1	x	30	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Văn bản số 23/SCT-QLNL ngày 04/01/2025 của SCT tỉnh Lâm Đồng đề xuất đầu nối TĐ Đa R'Sal về TC 220 kV TBA 220 kV TĐ Buôn Tua Srah. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
11	500 kV Ninh Sơn - Rẽ Tháp Chàm - Ninh Phước	4	x	27	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
12	500 kV Ninh Sơn - Ninh Phước	2	x	47	Xây mới, thay thế cho ĐD 220 kV Ninh Phước - Vĩnh Tân do khó khăn về hướng tuyến
13	500 kV Ninh Sơn - Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	18	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
14	Tháp Chàm - trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	46	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
15	500 kV Vĩnh Tân - Cà Ná	2	x	14	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Cà Ná
16	ĐG Phước Hữu - 220 kV Ninh Phước (*)	1	x	2	Xây mới, đấu nối ĐG Phước Hữu, thay cho ĐD 110 kV ĐG Phước Hữu - 110 kV Ninh Phước đã được phê duyệt tại Quyết định số 3768/QĐ-BCT ngày 27/07/2011 do lưới điện 110 kV không có khả năng giải tỏa. Trạm nâng áp 220 kV ĐG Phước Hữu có công suất 63 MVA
17	Đông Quán Thê - Rẽ Vĩnh Tân - Trạm cắt 220 kV Quán Thê	2	x	1	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
18	Đông Quán Thê - Cà Ná	1	x	7	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
19	TĐ Đa Nhim MR GĐ2 - Sân phân phối 220 kV Đa Nhim	1	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.
20	Hàm Tân - Rẽ Phan Thiết - Châu Đức (mạch 2)	2	x	6	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hàm Tân chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phan Thiết - Tân Thành
21	Hàm Thuận Nam - Rẽ Phan Thiết - Hàm Tân	4	x	4	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Hàm Thuận Nam
22	Hòa Thắng - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	7	Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Hòa Thắng
23	Nâng khả năng tải Hàm Thuận - Đa My - Xuân Lộc	2	x	95	Cải tạo nâng khả năng tải
24	Nâng khả năng tải Phan Thiết - Hàm Thuận	1	x	55	Cải tạo nâng khả năng tải
25	Phước Thái - Rẽ Vĩnh Tân - Tháp Chàm (mạch 2)	2	x	3	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Phước Thái chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm, giải tỏa nguồn điện khu vực
26	Hồng Phong - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	1	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
27	Phong điện 1 Bình Thuận - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Thiết (*)	2	x	4	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
28	Nâng khả năng tải Phan Rí - Phan Thiết	2	x	52	Cải tạo nâng khả năng tải, thống nhất tiết diện trên toàn tuyến 220 kV Phan Rí - Phan Thiết để giải tỏa nguồn điện khu vực
29	Phan Rí - 500 kV Hồng Phong	2	x	16	Xây mới, tăng cường khả năng giải tỏa nguồn điện khu vực
30	500 kV Hồng Phong - Rẽ Phan Rí - Phan Thiết	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm 500 kV Hồng Phong
31	500 kV Sơn Mỹ - Rẽ Hàm Tân - Phước Thuận (Đất Đỏ)	4	x	4	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
32	Nâng khả năng tải Bình Long - Chơn Thành	2	x	32	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
33	Tân Biên - Tây Ninh	2	x	25	Xây mới
34	500 kV Tây Ninh 1 - Rẽ Tây Ninh 2 - Trảng Bàng	4	x	8	Xây mới
35	500 kV Tây Ninh 1 - Phước Đông	2	x	8	Xây mới
36	Alumin Bình Phước - Rẽ Phước Long - Điện phân nhôm	2	x	15	Xây mới, đồng bộ nhà máy Alumin Bình Phước (theo đề nghị tại Văn bản số 1058/UBND-TH ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)
37	Đồng Xoài - Chơn Thành	2	x	20	Xây mới
38	Bình Long - Chơn Thành (mạch 3, 4)	2	x	32	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực
39	Đồng Bình Phước - Rẽ Bình Long - Điện phân nhôm (*)	4	x	12	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
40	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Chơn Thành 500 kV - Mỹ Phước	2	x	45	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
41	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Mỹ Phước - Tân Định 500 kV	2	x	17	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
42	500 kV Tây Ninh 2 - Rẽ ĐMT Hồ Dầu Tiếng - Tây Ninh	4	x	3	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
43	500 kV Tây Ninh 2 - Tây Ninh (chuyển đấu nối đi Tân Biên)	2	x	6	Xây mới, đấu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
44	Tây Ninh 3 - 500 kV Tây Ninh 2	2	x	16	Xây mới
45	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Long Thành	2	x	25	Cải tạo nâng khả năng tải
46	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Tân Thành	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải
47	KCN Phú Mỹ 3 - Rẽ Tân Thành - Châu Đức	4	x	1	Xây mới
48	500 kV Bắc Châu Đức - Rẽ Châu Đức - Tân Thành	4	x	10	Xây mới
49	Phước Thuận (Đất Đỏ) - Rẽ Phan Thiết - Tân Thành và Hàm Tân - Tân Thành	4	x	6	Xây mới
50	Long Sơn - Rẽ Châu Đức - KCN Phú Mỹ 3	2	x	8	Xây mới, xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện ĐD 220 kV Châu Đức - KCN Phú Mỹ 3 sau khi cải tạo
51	Châu Đức - rẽ Hàm Tân - Tân Thành (mạch 2)	2	x	2	Xây mới, hoàn thiện đấu nối TBA 220kV Châu Đức vào 02 mạch ĐD 220kV Hàm Tân - Tân Thành
52	Nâng khả năng tải Tân Thành - Vũng Tàu	2	x	30	Cải tạo nâng khả năng tải
53	Nâng khả năng tải Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức	2	x	60	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
54	Cát Lái - Tân Cảng	2	x	15	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
55	Bình Chánh 1 - Cầu Bông	2	x	21	Xây mới, thuộc dự án đường dây 220-110 kV Cầu Bông - Bình Tân
56	Tân Sơn Nhất - Thuận An	2	x	15	Xây mới
57	Tân Sơn Nhất - Rẽ Hóc Môn - Thủ Đức	2	x	9	Xây mới
58	Phú Lâm - Đầm Sen	2	x	6	Xây mới
59	Đầm Sen - Bà Quẹo - Tân Sơn Nhất	2	x	10	Xây mới
60	500 kV Long Thành - Công Nghệ Cao	2	x	25	Xây mới
61	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Trảng Bàng	4	x	1	Xây mới, chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - Trảng Bàng và Củ Chi 500 kV - Tân Định
62	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Tân Định	2	x	1	Xây mới, chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - 220 kV Củ Chi
63	Thủ Thiêm - Rẽ Cát Lái - Tân Cảng	4	x	1	Xây mới
64	Quận 7 - Nhà Bè và mở rộng ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè	2	x	6	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Quận 7, trường hợp không mở rộng được ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè, xem xét đầu nối Quận 7 - Rẽ NĐ Nhơn Trạch 1&2 - Nhà Bè (2x7km), sử dụng tiết diện lớn
65	Quận 9 - Rẽ Long Thành - Công nghệ cao	4	x	5	Xây mới
66	LNG Hiệp Phước giai đoạn I - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đức	4	x	3	Xây mới, đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
67	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đức - Mỹ Tho - Mỹ Tho 500 kV	2	x	112	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
68	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Tân Thành	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải
69	Nam Hiệp Phước - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đức	4	x	2	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Nam Hiệp Phước. Kiến nghị chọn tiết diện phù hợp với ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đức sau cải tạo
70	Cần Giẽ - Rẽ Phú Mỹ - Nam Hiệp Phước	2	x	28	Xây mới
71	Bến Cát 2 - Rẽ Tân Định - Củ Chi	4	x	1	Xây mới
72	Bến Cát 2 - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	2	x	20	Xây mới và đầu nối chuyển tiếp vào 01 mạch ĐD 220 kV Chơn Thành - Bến Cát
73	Tân Định 2 - Rẽ Mỹ Phước - Bến Cát	4	x	11	Xây mới
74	500 kV Bình Dương 1 - Rẽ Uyên Hưng - Sông Mỹ	4	x	40	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
75	An Thạnh (VSIP) - Rẽ Tân Uyên - Thuận An	4	x	3	Xây mới
76	Bình Mỹ - Rẽ Bình Dương 1 - Sông Mỹ	4	x	3	Xây mới
77	Lai Uyên - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	4	x	1	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
78	Bắc Tân Uyên - Rẽ Bình Mỹ - Sông Mỹ	2	x	7	Xây mới
79	Sông Mỹ - Tam Phước	2	x	14	Xây mới
80	500 kV Đồng Nai 2 - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	12	Xây mới
81	NMĐ Nhơn Trạch 3 - Rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái	2	x	10	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3; thay thế cho ĐD NMĐ Nhơn Trạch 3 - Cát Lái (chuyển đầu nối đi Thủ Đức) do khó khăn về hướng tuyến xây dựng ĐD
82	NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	2	x	44	Xây mới, đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3
83	KCN Nhơn Trạch - Rẽ NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	4	x	3	Xây mới, đồng bộ trạm 220 kV KCN Nhơn Trạch. Trường hợp NMĐ Nhơn Trạch 3 chậm tiến độ, xem xét xây dựng trước ĐD 220 kV KCN Nhơn Trạch - Long Thành
84	Nâng khả năng tải Sông Mỹ - Long Bình (mạch 1)	1	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải
85	Nâng khả năng tải Sông Mỹ - Long Bình (mạch 2)	1	x	25	Cải tạo nâng khả năng tải
86	Thống Nhất - Rẽ Bảo Lộc - Sông Mỹ	4	x	2	Xây mới
87	Nâng khả năng tải Tân Định - Bình Hòa	2	x	11	Cải tạo nâng khả năng tải
88	TĐ Trị An mở rộng - TĐ Trị An	2	x	1	Xây mới, đồng bộ TĐ Trị An mở rộng
89	Tây Bắc Củ Chi - Củ Chi 500 kV	2	x	12	Xây mới
90	Bình Chánh 1 - Đức Hòa	2	x	10	Xây mới
91	Phú Hòa Đông - Rẽ Củ Chi - Cầu Bông	4	x	5	Xây mới
92	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Củ Chi	2	x	22	Cải tạo nâng khả năng tải
93	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Bình Tân - Phú Lâm	2	x	34	Cải tạo nâng khả năng tải
94	Nâng khả năng tải Thủ Đức - Tân Uyên - Long Bình	2	x	44	Cải tạo nâng khả năng tải, xem xét phù hợp khả năng tải của đoạn cáp ngầm hiện hữu
95	Tân Định 2 - Bình Mỹ	2	x	14	Xây mới
96	Biên Hòa - Rẽ Tân Uyên - Long Bình	4	x	1	Xây mới
97	Dầu Giây - 500 kV Đồng Nai 2	2	x	30	Xây mới
98	Dầu Giây - 500 kV Long Thành	2	x	12	Xây mới
99	220 kV Đồng Nai 3 - Tân Uyên (*)	2	x	55	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
100	220 kV Đồng Nai 4 - Uyên Hưng (*)	2	x	31	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
101	Nâng khả năng tải 220 kV Long Thành - An Phước - Tam Phước	2	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải. Kiến nghị sử dụng dây phân pha tiết diện lớn

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
102	Nâng khả năng tải 500 kV Long Thành - 220 kV Long Thành	2	x	19	Cải tạo nâng khả năng tải
103	Hố Nai - Rẽ Sông Mỹ - Tam Phước	4	x	1	Xây mới
104	Phú Giáo - Rẽ Bình Dương 1 - Uyên Hưng	4	x	2	Xây mới
105	Nâng khả năng tải Long An - Bến Lức	2	x	14	Cải tạo nâng khả năng tải
106	Gò Công - Cần Đước	2	x	27	Xây mới
107	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Long An (mạch 2)	2	x	20	Xây mới, đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Lâm - 500 kV Long An
108	Đức Hòa 2 - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Đức Hòa 1	4	x	10	Xây mới
109	Bến Lức 2 (Đức Hòa 3) đầu nối chuyển tiếp trên các ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Phú Lâm và ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Bến Lức.	4	x	6	Xây mới, thay thế ĐD 220 kV Đức Hòa 3 đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Rẽ Phú Lâm - Long An trong Quy hoạch điện VIII
110	Treo dây mạch 3,4 ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Đức Hòa 1	2	x	25	Xem xét chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Tây Bắc Cù Chi
111	500 kV Long An - Rẽ Cần Đước - Phú Mỹ	4	x	1	Xây mới
112	Nâng khả năng tải Bến Lức - Phú Lâm	2	x	28	Cải tạo nâng khả năng tải
113	Tân Lập - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Long An	4	x	9	Xây mới
114	Kiến Tường - Tân Lập	2	x	40	Xây mới. Trường hợp TBA 220 kV Tân Lập vào chậm, đầu tư trước đường dây 220 kV Kiến Tường - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Long An (2x50 km)
115	LNG Long An I - 500 kV Long An	2	x	18	Xây mới, đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế sân phân phối 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái.
116	LNG Long An I - Bến Lức	2	x	30	Xây mới, đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế SPP 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái
117	Tân Phước (Cái Bè) - Rẽ 500 kV Mỹ Tho - Long An	4	x	7	Xây mới
118	Mỹ Tho - Rẽ Mỹ Tho 500 kV - Cần Đước (mạch 2)	2	x	4	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Mỹ Tho chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Mỹ Tho - 500 kV Cần Đước
119	Cần Đước - Rẽ Phú Mỹ 500 kV - Mỹ Tho (mạch 2)	2	x	5	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Cần Đước chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Mỹ - 500 kV Mỹ Tho
120	ĐG Long Mỹ 1 - Rẽ NĐ Cà Mau - Ô Môn (*)	2	x	1	Xây mới, đồng bộ ĐG Long Mỹ I

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
121	Vĩnh Long 3 - Rẽ Vĩnh Long 2 - Trà Vinh	4	x	1	Xây mới
122	Bến Tre - Bình Đại (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
123	Thanh Phú - Rẽ ĐG Hải Phòng - Mỏ Cày (*)	4	x	3	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp ĐG Hải Phòng vào chậm, cần xây dựng trước ĐD mạch kép 220 kV Thanh Phú - Mỏ Cày đồng bộ trạm 220 kV Thanh Phú, ĐG Hải Phòng đầu nối về trạm 220 kV Thanh Phú qua mạch kép 220 kV. Xem xét chọn tiết diện lớn để giải tỏa NLTT
124	Mỏ Cày - 500 kV Mỹ Tho (*)	2	x	42	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
125	An Biên (Vĩnh Thuận) - Rẽ NB Cà Mau - Rạch Giá	2	x	17	Xây mới
126	Trà Vinh 3 - 500 kV Duyên Hải	2	x	3	Xây mới, đồng bộ với trạm 220 kV Trà Vinh 3
127	ĐG số 19 Bến Tre - Bình Đại (*)	2	x	12	Xây mới, đồng bộ ĐG số 19 Bến Tre, giải tỏa công suất ĐG số 19 Bến Tre, ĐG số 20 Bến Tre. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG số 19 Bến Tre - Bến Tre dài khoảng 50km do khó mở rộng ngăn lộ tại trạm 220 kV Bến Tre. Chiều dài thực tế khoảng 0,03km.
128	ĐG Hải Phòng - Mỏ Cày (*)	2	x	50	Xây mới, đồng bộ ĐG Hải Phòng, phương án đầu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
129	ĐG Đông Thành 1 - 500 kV Duyên Hải (*)	2	x	4	Xây mới, đồng bộ ĐG Đông Thành 1, giải tỏa công suất ĐG Đông Thành 1, ĐG Đông Thành 2. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG Đông Thành 1 - Rẽ Đông Hải 1 - 500 kV Duyên Hải để tránh quá tải ĐD 220 kV ĐG Đông Hải 1 - ĐMT Trung Nam Trà Vinh - 500 kV Duyên Hải.
130	ĐG Thăng Long - 220 kV Duyên Hải (*)	1	x	12	Xây mới, đồng bộ ĐG Thăng Long, phương án đầu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
131	500 kV Bến Tre - Rẽ Bình Đại - Bến Tre	4	x	16	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Bến Tre
132	500 kV Bến Tre - Rẽ Thanh Phú - Mỏ Cày	4	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Bến Tre
133	500 kV Thốt Nốt - Lấp Vò	2	x	22	Xây mới
134	Hồng Ngự - Châu Đốc	2	x	40	Xây mới
135	Lấp Vò - Hồng Ngự	2	x	55	Xây mới
136	Sa Đéc - Rẽ Ô Môn - Vĩnh Long (mạch 2)	2	x	1	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Sa Đéc chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long
137	Long Xuyên - Rẽ Châu Đốc - Thốt Nốt (mạch 2)	2	x	1	Xây mới, đầu nối trạm 220 kV Long Xuyên chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Châu Đốc - Thốt Nốt

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
138	Châu Thành (An Giang) - Rẽ Long Xuyên - Châu Đốc	4	x	2	Xây mới
139	Chợ Mới - Châu Thành (An Giang)	2	x	9	Xây mới
140	Cải tạo ĐD 220 kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	2	x	75	Cải tạo ĐD 1 mạch thành 2 mạch, nâng khả năng tải
141	Trần Đề - 500 kV Long Phú	2	x	24	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
142	Vĩnh Châu - Rẽ Long Phú - Sóc Trăng (mạch 2)	2	x	20	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Long Phú - Sóc Trăng
143	ĐG Sóc Trăng 4 - Vĩnh Châu (*)	2	x	5	Xây mới, đồng bộ ĐG Sóc Trăng 4, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
144	ĐG Phú Cường 1A, 1B - Vĩnh Châu (*)	2	x	22	Xây mới, đồng bộ ĐG Phú Cường 1A, 1B; phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
145	ĐG Bạc Liêu GD3 - Bạc Liêu (*)	2	x	18	Xây mới, đồng bộ ĐG Bạc Liêu GD3, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại QĐ số 209/QĐ-TTg ngày 09/02/2018
146	Đường dây 220 kV mạch kép đấu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD 220 kV NĐ Cà Mau - Sóc Trăng	2	x	5	Xây mới, giải tỏa nguồn điện khu vực; chuẩn xác tên công trình được duyệt trong Văn bản số 441/TTg-CN ngày 16/4/2020 “ĐD 220 kV mạch kép đấu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD NĐ Cà Mau - Bạc Liêu”
147	Hòa Bình - Rẽ Giá Rai - Bạc Liêu	2	x	13	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu) chuyển tiếp ĐD 220 kV Giá Rai - Bạc Liêu, giải tỏa nguồn điện khu vực
148	Hòa Bình đấu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV đấu nối ĐG Hòa Bình 5	4	x	5	Xây mới, đấu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu), giải tỏa nguồn điện khu vực
149	Bạc Liêu 3 - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	30	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
150	500 kV Bạc Liêu - Rẽ Giá Rai - Hòa Bình	4	x	6	Xây mới, đồng bộ trạm 500 kV Bạc Liêu
151	500 kV Bạc Liêu - Hòa Bình	2	x	18	Xây mới, giải tỏa NLTT
152	Cà Mau - Năm Căn	2	x	58	Xây mới
153	Cà Mau 3 - Rẽ Cà Mau - Năm Căn	2	x	26	Xây mới, đồng bộ trạm 220 kV Cà Mau 3
154	Cụm ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau (*)	2	x	52	Xây mới, đồng bộ Cụm ĐG Cà Mau 1
155	500 kV Cà Mau - Rẽ Năm Căn - Cà Mau	4	x	8	Xây mới
156	500 kV Cà Mau - Rẽ ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau	4	x	8	Xây mới
157	NB 1 - Vũng Tàu (*)	2	x	3	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ.

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
					Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
158	NB 2 – Bến Tre 500kV (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
159	NB 3 - 500 kV Duyên Hải (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ. Chiều dài, tiết diện và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế
160	Đầu nối TBA 220kV Phú Quốc	2	x	19	Xây mới DD 220kV từ TBA 220kV Phú Quốc đầu nối vào DD 220kV Kiên Bình - Phú Quốc hiện hữu, đồng bộ với TBA 220kV Phú Quốc
161	Ước tính khối lượng đầu nối các nguồn NLTT			500	Xây mới, giải tỏa NLTT
162	Dự phòng phát sinh ĐZ 220 kV cải tạo và xây mới			450	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Hồng Liêm - 500 kV Hồng Phong (*)	2	x	6	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
2	Đà Lạt - Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	30	Xây mới
3	Nâng khả năng tải Di Linh - Bảo Lộc	2	x	34	Cải tạo nâng khả năng tải
4	220 kV Ninh Thuận 1- 500 kV Ninh Thuận 1 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
5	220 kV Ninh Thuận 2 - 500 kV Ninh Thuận 1 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
6	220 kV Ninh Thuận 3 - 500 kV Ninh Thuận 2 (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
7	Tân Châu 1 - Tân Biên (*)	2	x	16	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
8	Bến Cầu - 500 kV Tây Ninh 1	2	x	12	Xây mới
9	Hớn Quản - Rẽ Bình Long - Chơn Thành	2	x	4	Xây mới
10	220 kV Bình Phước 1 - 500 kV Lộc Ninh (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
11	220 kV Bình Phước 2 - 500 kV Lộc Ninh (*)	2	x	15	Xây mới, giải tỏa nguồn NLTT
12	TP Phú Mỹ - Rẽ Phú Mỹ - Bà Rịa	4	x	2	Cải tạo nâng khả năng tải
13	TP Phú Mỹ - Bắc Châu Đức 500 kV	2	x	30	Xây mới
14	Long Điền 500 kV - Vũng Tàu 2	2	x	13	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điền

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
15	Long Điện 500 kV - Rẽ TP Phú Mỹ - Vũng Tàu	2	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điện
16	Long Điện 500 kV - Phước Thuận (Đất Đỏ)	2	x	16	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Long Điện
17	Vũng Tàu 2 - Vũng Tàu	2	x	9	Xây mới
18	Nâng khả năng tải TĐ Trĩ An - Sông Mây 500 kV	1	x	24	Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo giải tỏa nguồn điện khu vực
19	Bình Chánh 2 - Rẽ Đức Hòa - Phú Lâm	4	x	2	Xây mới, kiến nghị thiết kế sơ đồ linh hoạt cho TBA 220 kV Bình Chánh 2
20	500 kV Đa Phước - Bình Chánh 2	2	x	10	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đa Phước. TBA 220 kV Bình Chánh 2 thiết kế sơ đồ linh hoạt
21	500 kV Đa Phước - Bình Chánh	2	x	9	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đa Phước, xem xét chuyển đầu nối TBA 220 kV Quận 8 về TBA 500 kV Phú Lâm.
22	500 kV Đa Phước - Đầm Sen	2	x	22	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV Đa Phước; xem xét vận hành tách thanh cái trạm 220 kV Bà Quẹo để hạn chế dòng ngắn mạch
23	LNG Hiệp Phước giai đoạn 2 - Bình Chánh	2	x	13	Đồng bộ NMD LNG Hiệp Phước giai đoạn II
24	Hóc Môn 2 - Rẽ Cầu Bông - Bình Chánh 1	4	x	1	Xây mới
25	500 kV TP Thủ Đức - Rẽ Công nghệ cao - Quận 9	4	x	5	Xây mới
26	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Cát Lái - Thủ Đức	2	x	13	Cải tạo nâng khả năng tải, đồng bộ với TBA 500 kV TP Thủ Đức
27	500 kV TP Thủ Đức - Cát Lái chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Thủ Đức (tách liên kết Cát Lái - Thủ Đức)	2	x	5	Xây mới, đầu nối TBA 500 kV TP Thủ Đức, chuyển đầu nối để hạn chế dòng ngắn mạch; lựa chọn tiết diện có khả năng tải phù hợp với ĐD 220 kV Cát Lái - Thủ Đức (sau cải tạo)
28	500 kV Bình Dương 2 đầu nối chuyển tiếp Bến Cát - Bến Cát 2 và Chơn Thành - Bến Cát 2	4	x	12	Xây mới, đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Dương 2
29	500 kV Bình Dương 2 - Rẽ Bến Cát - Tân Định 2	4	x	16	Xây mới, đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Dương 2
30	Bến Cát 3 - Rẽ Bến Cát 2 - Bình Dương 2 500 kV	4	x	4	Xây mới
31	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Uyên Hưng - Tân Định 500 kV	2	x	16	Cải tạo nâng khả năng tải
32	Bàu Bàng đầu nối chuyển tiếp Chơn Thành - Bến Cát và Chơn Thành - 500 kV Bình Dương 2	4	x	1	Xây mới, trường hợp TBA 500 kV Bình Dương 2 vào chậm sau trạm 220 kV Bàu Bàng thì tên công trình đầu nối là "Bàu Bàng - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát và Chơn Thành - Bến Cát 2"
33	KCN Long Thành 2 - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	1	Xây mới
34	Cần Giuộc - Rẽ 500 kV Long An - Nam Hiệp Phước	4	x	3	Xây mới
35	500 kV Long An 2 - Rẽ Long An - Tân Phước	4	x	10	Xây mới

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
36	500 kV Tiền Giang - Rẽ Vĩnh Long - Sa Đéc	4	x	15	Xây mới
37	500 kV Tiền Giang - Rẽ Cai Lậy - Cao Lãnh	4	x	4	Xây mới
38	500 kV Bến Tre - Ba Tri	2	x	16	Xây mới, giải tỏa NLTT
39	500 kV Đồng Tháp - Rẽ Hồng Ngự - Lấp Vò	4	x	12	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV Đồng Tháp
40	500 kV An Giang - Rẽ Kiên Bình - Rạch Giá	2	x	26	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV An Giang
41	500 kV An Giang - Châu Thành (An Giang)	4	x	28	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV An Giang
42	500 kV An Giang - Rẽ Châu Đốc - Kiên Bình	4	x	40	Xây mới, đấu nối TBA 500 kV An Giang
43	Vị Thanh - Rẽ Ô Môn - NĐ Cà Mau	4	x	12	Xây mới
44	Vĩnh Quang - Rẽ Rạch Giá - Kiên Bình	2	x	1	Xây mới
45	Bạc Liêu 4 - 500 kV Bạc Liêu (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
46	Sóc Trăng - 500 kV Long Phú	2	x	35	Xây mới, giải tỏa NLTT
47	Nâng khả năng tải Sóc Trăng - Châu Thành (Hậu Giang)	2	x	50	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa NLTT
48	Nâng khả năng tải Bạc Liêu - Sóc Trăng	2	x	42	Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa NLTT
49	Cà Mau 4 - Rẽ ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau	2	x	7	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
50	Ước tính khối lượng đấu nối các nguồn NLTT			500	Xây mới, giải tỏa NLTT
51	Dự phòng phát sinh ĐZ 220 kV cải tạo và xây mới			500	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

Ghi chú:**1. Đối với trạm biến áp**

- Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình chuẩn bị dự án của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp nâng sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện.

(*) Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình chuẩn bị dự án, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

2. Đối với đường dây

- Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

(*) Tiến độ, quy mô của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình chuẩn bị dự án, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện trong thực tế.

3. Đối với đấu nối nguồn năng lượng tái tạo

Phương án đấu nối chi tiết của các dự án năng lượng tái tạo cần được xem xét kỹ lưỡng trong quá trình triển khai, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế (nếu cần), đảm bảo hiệu quả kinh tế và các tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành.